

See discussions, stats, and author profiles for this publication at: <https://www.researchgate.net/publication/348740207>

Chuyên san Dạy và Học – Số 31 – Chuyển giao

Book · January 2021

CITATIONS

0

READS

195

9 authors, including:



Anh-Duc Hoang

EdLab Asia

124 PUBLICATIONS 134 CITATIONS

[SEE PROFILE](#)



Chi Linh Nguyen

EdLab Asia

36 PUBLICATIONS 39 CITATIONS

[SEE PROFILE](#)



Ta Ngoc Thuy

Edlab Asia

26 PUBLICATIONS 38 CITATIONS

[SEE PROFILE](#)



Phuong Thuc

EdLab Asia

21 PUBLICATIONS 9 CITATIONS

[SEE PROFILE](#)

Some of the authors of this publication are also working on these related projects:



Vietnamese Higher Education [View project](#)



Digital Literacy for Sustainable Education Development in Vietnam [View project](#)

Day & học

Số 31 – tháng 01/ 2021

CHUYỂN GIAO

LỚP HỌC NĂM 2021
SẼ NHƯ THẾ NÀO?

10 NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC
ĐÁNG CHÚ Ý NHẤT NĂM
2020

DẪN LỐI CHO TRÍ
TÒ MÒ

MỘT KHÔNG GIAN ĐỂ
HỌC SINH NAM ĐƯỢC
THỂ HIỆN SỰ “YẾU ĐUỐI”

Số 31: Gắn kết

Cải tổ giáo dục

ĐÃ ĐẾN LÚC ĐỂ ĐÁNH GIÁ LẠI NHỮNG HIỂU BIẾT
CỦA CHÚNG TA VỀ 4CS 06

Nguyễn Tiến Đạt dịch

[30+ FRAMEWORKS GIÁO DỤC] - KỲ 14: MÔ HÌNH
BỐN NHÁNH CỦA TRÍ TUỆ XÚC CẢM 11

Việt Anh

Dạy thế nào?

DẪN LỐI CHO TRÍ TÒ MÒ 13

Ngọc Lan dịch

GẮN KẾT GIA ĐÌNH VÀ THÀNH CÔNG TRONG HỌC
TẬP: NGHIÊN CỨU NÓI GÌ 16

Nguyễn Tiến Đạt dịch

MỘT KHÔNG GIAN ĐỂ HỌC SINH NAM ĐƯỢC THỂ
HIỆN SỰ “YẾU ĐUỐI” 20

Linh Chi lược dịch

Góc nhìn

LỚP HỌC TRONG NĂM 2021

SẼ NHƯ THẾ NÀO?.....23

Quốc Việt dịch

Quản lý Giáo dục

6 ĐỀ XUẤT CẦN THIẾT CHO MỘT CHƯƠNG TRÌNH

PHÁT TRIỂN CHUYÊN MÔN GIÁO VIÊN 25

Thúy Tà dịch

10 NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC ĐÁNG CHÚ Ý NHẤT

NĂM 2020..... 27

Việt Anh dịch

XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC Ở VIỆT NAM: TỪ SỰ THAM

GIA CỦA CỘNG ĐỒNG SANG TƯ NHÂN HÓA 28

Phương Thực tóm lược

NHỮNG CHIẾN LƯỢC TỐT NHẤT TRƯỜNG HỌC

CÓ THỂ SỬ DỤNG ĐỂ CHỐNG LẠI NẠN BẮT NẠT

HỌC ĐƯỜNG 35

Linh Chi lược dịch

Thể lệ gửi bài:

Quý thầy cô, anh chị có nội dung liên quan tới **Dạy và Học** muốn chia sẻ tới cộng đồng, xin vui lòng gửi về Ban Biên tập Lộn xộn qua email bientap@day-hoc.org

Cuối bài viết, tác giả xin vui lòng giới thiệu vài nét về bản thân: Họ tên, nơi công tác, địa chỉ liên lạc, số điện thoại, các chủ đề nghiên cứu yêu thích...

Do thời gian và nhân sự có hạn, Ban Biên tập xin phép chỉ liên hệ với các bài viết được chọn đăng.

Tinh thần 4.0

Ban Biên tập và quý thầy cô, anh chị gửi bài cộng tác đều chia sẻ tinh thần 4.0, tức là:

- 0 lương
- 0 văn phòng
- 0 chuyên môn cao
- 0 giới hạn không gian - thời gian

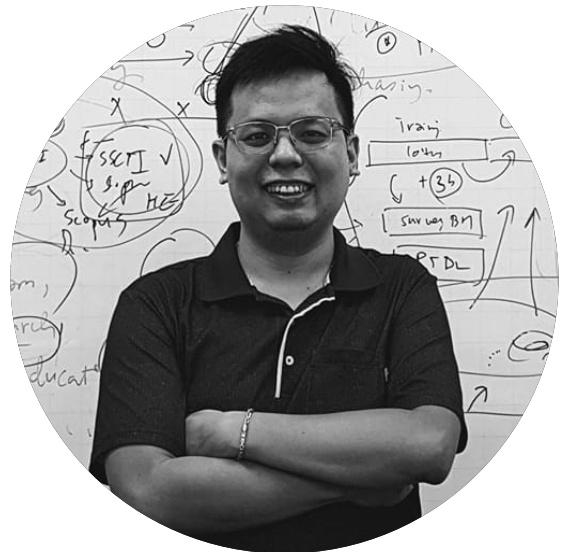
Địa chỉ gửi bài:

Bientap@day-hoc.org

Chia sẻ:

Quý thầy cô, anh chị cảm thấy nội dung **Dạy và Học** có ích, xin vui lòng chia sẻ tới bất kỳ những ai quan tâm, kèm theo trích dẫn nguyên vẹn và đầy đủ về nguồn gốc bài viết.

Mọi người nói về **Dạy & Học**



“**Dạy & Học** là ấn phẩm không thể thiếu đối với các nhà trường phổ thông”

- TS Phạm Hiệp, Chuyên gia Giáo dục

Lời tựa

Quý độc giả thân mến,

Trước những thay đổi nhanh chóng và không lường trước được của nhân loại, nền giáo dục và người làm giáo dục cũng liên tục phải đối mặt với nhiều giai đoạn chuyển giao. Những thay đổi luôn dễ khiến ta thấy lo sợ, nhưng cùng với nó cũng là những hân hoan khi bắt đầu một hành trình mới. Để hỗ trợ quý vị trong những khám phá này, và cũng nhân dịp những ngày đầu năm mới 2021, BBT Lộn Xộn xin gửi tới quý vị Dạy và Học số 31 với tựa đề “Chuyển giao

Chúng ta sẽ cùng nhìn lại năm cũ với một tổng kết về **“10 nghiên cứu giáo dục đáng chú ý nhất 2020”**, để chuẩn bị hướng tới **“Lớp học năm 2021...”**. Dạy&Học số này cũng xin giới thiệu tới quý bạn đọc một nghiên cứu của tác giả Việt Nam về **“Xã hội hóa giáo dục ở Việt Nam: từ sự tham gia của cộng đồng sang tư nhân hóa”**, mang tới một góc nhìn toàn cảnh về những “chuyển giao” của giáo dục quốc gia.

Bên cạnh đại dịch COVID-19 bất ngờ ập tới, năm vừa rồi cũng chứng kiến những sự kiện đáng chú ý nhắc nhở nhân loại về những vấn đề dai dẳng còn chưa được giải quyết. Sau sự kiện Geogre Floyd, bài viết **“Đã đến lúc để đánh giá lại những hiểu biết của chúng ta về 4Cs”** là những thảo luận về việc nâng cao những hiểu biết về đa dạng văn hóa ở học sinh thông qua những giảng dạy về các kỹ năng quan trọng của thế kỷ 21. Cùng với đó, trong những đối thoại về phân biệt giới tính, chúng ta cũng cần để ý tới cả những tiếp cận dành riêng cho nam giới như gợi ý trong bài viết **“Một không gian để học sinh nam được thể hiện sự “yếu đuối””**. **“Những chiến lược tốt nhất trường học có thể sử dụng để chống lại nạn bạo lực học đường”** tiếp tục cung cấp những bằng chứng nghiên cứu để chống lại “bệnh dịch” không hồi kết ở trường học này.

Những đổi mới của giáo dục đòi hỏi nhiều đổi mới ở người dẫn dắt lớp trẻ. Dạy và Học số này mời quý vị tham khảo **“6 đề xuất cần thiết cho một chương trình phát triển chuyên môn giáo viên”**. Bên cạnh đó, **“Gắn kết gia đình và thành công trong học tập: Nghiên cứu nói gì?”** sẽ cung cấp nhiều thông tin hữu ích cho những ‘nhà giáo’ ngoài môi trường học đường. Cuối cùng, **“Dẫn lối cho trí tò mò”** cung cấp cho cả giáo viên và cha mẹ những gợi ý để khích lệ sự ham học hỏi ở con trẻ, một điều mà tất cả chúng ta đều cần trang bị trước mỗi đợt chuyển giao. Xin chúc Quý vị có những khoảng thời gian thú vị.

Trân trọng,

Ban Biên tập Lộn Xộn





ĐÃ ĐẾN LÚC ĐỂ ĐÁNH GIÁ LẠI NHỮNG HIỂU BIẾT CỦA CHÚNG TA VỀ 4CS

¹David Ross²

Nguyễn Tiến Đạt dịch

Bi kịch của Geogre Floyd đã buộc chúng ta phải nhìn nhận lại về sự cần thiết của việc phản ánh vấn nạn phân biệt chủng tộc có hệ thống trong giáo dục. Những suy nghĩ của tôi đã tập trung ít hơn vào cấu trúc hay chính sách mà đặt trọng tâm vào kết quả đầu ra của học sinh và thực hành giảng dạy.

Tôi có hàng tháng để kiểm chứng niềm tin vững chắc của mình về học tập dựa trên dự án, được hình thành chủ yếu khi tôi làm việc tại Viện Nghiên cứu giáo dục Buck với tư cách là quản lý cấp cao. Nhưng sự phẫn nộ của công chúng trước cái chết của Floyd đã buộc tôi xem xét lại niềm tin của mình về các kỹ năng của thế kỷ 21 được xây dựng trong khoảng thời gian đương nhiệm của tôi tại Tổ chức Đối tác cho Giáo dục Thế kỷ 21 [Partnership for 21st Century Learning] nơi mà tôi làm việc gần ba năm với vai trò là giám đốc điều hành.

Những ý tưởng đầu tiên có liên quan đến ảnh hưởng của văn hoá đến dạy học và đánh giá những kỹ năng của thế kỷ 21, mà trọng tâm là 4Cs (Creativity-Sự sáng tạo, Collaboration-Sự hợp tác, Critical thinking-Tư duy phê phán và Communication-Giao tiếp). Tôi đáng nhẽ nên biết nhiều hơn. Vợ tôi là một người nhập cư. Khi

¹ Nguồn: <https://www.gettingsmart.com/2020/07/its-time-to-reassess-our-understanding-of-the-4cs/>

² David Ross là một chuyên gia tư vấn giáo dục toàn cầu và CEO của Tổ chức Đối tác Cho Giáo dục Thế kỷ 21 (the Partnership for 21st Century Learning - P21)

mới tới đây, cô ấy còn trẻ và chưa thể nói được một chút tiếng Anh nào. Cô ấy cho tôi những ví dụ đời thường về những ảnh hưởng của văn hoá đến tư duy phê phán.

Vợ tôi vô cùng xuất sắc, và điều này có thể chứng minh một cách khách quan. Cô ấy là một người điều hành tại bệnh viện nhưng đã từng là nhà vi sinh vật học thực hiện nghiên cứu về bệnh lý liên quan đến tim mạch tại phòng nghiên cứu San Francisco. Một vài thập kỉ trước, cô ấy đã hướng dẫn một nghiên cứu sinh trẻ tại phòng thí nghiệm thực hành, và cậu ấy vẫn tin tưởng vợ tôi về những hiểu biết liên quan đến thí nghiệm. Bên cạnh đó, cậu ấy đã dành được giải Nobel cho những nghiên cứu của mình về tế bào gốc đa năng.

Mặc dù nghiêm ngặt trong cách tư duy khoa học, cô ấy vẫn có khả năng suy nghĩ về những điều mà tôi, trong quan niệm của phương Tây, nghĩ rằng đó là hai khung khái niệm loại trừ lẫn nhau. Tôi sẽ gặp khó khăn bởi bất đồng trong nhận thức nếu tôi cố gắng suy nghĩ giống như cô ấy.

Tôi tự hỏi rằng tôi có thể dạy vợ mình như thế nào, cô ấy không có nhiều điểm khác biệt với những học sinh mà tôi đã hướng dẫn trong suốt 11 năm làm giáo viên phổ thông. Phần đông số học sinh trong lớp tôi là người Latin (chiếm 90%) nhưng tôi đã trải qua nhiều năm dạy những học sinh từ Châu Phi, Châu Á, Châu Âu và Nam Mỹ. Chắc chắn rồi, họ quá cường điệu ảnh hưởng của văn hoá đến khả năng của bản thân để sáng tạo (cre-

ate), giao tiếp (communicate), hợp tác (collaborate), và có tư duy phê phán (critically think)?

Sự giao tiếp (Communication)

Biểu hiện hình thức của giao tiếp rất quan trọng trong học tập dựa trên dự án. Đó là lý do tại sao đa số Rubric (tức phiếu đánh giá gồm các tiêu chí cụ thể) về giao tiếp trong bối cảnh học tập dựa trên dự án (PBL) tập trung vào thuyết trình bằng miệng. Ảnh hưởng của văn hoá đến khả năng đạt điểm cao của học sinh trong tiêu chuẩn đánh giá (rubric) cho việc thuyết trình đáng nhẽ là điều hiển nhiên nhưng đa số chúng ta đã bỏ qua yếu tố đó. Hệ thống đo lường hiện tại của chúng ta không có tác dụng.

Tôi đã xem xét các bảng Rubric được dùng để đánh giá học sinh trong việc không duy trì giao tiếp bằng mắt với người đang đối thoại hoặc những người nghe. Trong nhiều nền văn hoá (Tây Ban Nha, Châu Á, Châu Mỹ bản xứ, Trung Đông, v.v.), duy trì giao tiếp bằng mắt sẽ gây mất thiện cảm hoặc bị coi là thô lỗ. Giới tính cũng là một yếu tố trong trường hợp này.

Năm 1959, nhà nhân chủng học Edward Hall đã xuất bản cuốn sách “Ngôn ngữ thầm lặng” (The Silent Language), khai sinh ra lĩnh vực giao tiếp liên văn hoá. Hall định nghĩa giao tiếp liên văn hoá “như là một hình thức giao tiếp chia sẻ thông tin giữa các nền văn hoá và nhóm xã hội khác nhau”.

Hall kêu gọi sự chú ý của chúng ta vào các phong cách giao tiếp thay đổi như thế nào giữa nền văn hoá giàu ngữ cảnh và nền văn hoá nghèo ngữ cảnh, điều đó có nghĩa những giá trị của nền văn hoá được đặt trên giao tiếp trực tiếp và gián tiếp. Những phiếu đánh giá Rubric về mặt giao tiếp được áp dụng ở hầu hết các trường học ở Hoa Kỳ dựa trên thực tế là hệ hình thống trị tạo ra một nền văn hoá có bối cảnh thấp.

Tại Châu Á, tôi đã làm việc với những học sinh ở trường học của Trung Quốc và Hàn Quốc, hướng dẫn các em qua những dự án ngắn hạn. Tôi và các đồng nghiệp của tôi gặp khó khăn khi đánh giá những em học sinh này bằng những bảng Rubrics với tiêu chuẩn phương Tây. Cho dù những phiếu Rubrics này đã được dịch sang ngôn ngữ khác về mặt chữ nghĩa nhưng văn hóa thì không thể “dịch” được. Tôi hiện tại gặp phải vấn đề tương tự với những học sinh không phải là người châu Âu ở Mỹ.

Sự hợp tác (Collaboration)

Đội ngũ của chúng tôi đã dành ra một vài năm phát triển chương trình giáo dục và chương trình đào tạo giáo viên với những cộng sự tại Viện Phát triển Hàn Quốc. Tôi đã hoàn toàn bị cuốn hút khi chúng tôi giao nhiệm vụ thảo luận theo bàn và làm việc theo nhóm cho các giáo viên và nhân viên. Hầu hết những thành viên có thâm niên cao trong nhóm (gần như lúc nào cũng là nam giới) đảm nhận vai trò chính của buổi nói chuyện và điều khiển cách thức nhóm sẽ trình bày. Nhưng khi thời điểm thuyết trình đã đến, thành viên có thâm niên cao trong nhóm lại chọn người có thâm niên ít nhất (luôn luôn là một phụ nữ) thực hiện toàn bộ việc thảo luận.

Điều này vô cùng khác biệt với sự hợp tác một cách bình đẳng (về giới tính) mà những giáo viên phương Tây mong đợi. Nghiên cứu bởi [Michelle Gelfand, Lisa Leslie, and Ryan Fehr](#), (2008) chỉ ra rằng những người Bắc Mỹ “có động động lực và sự tự do chủ động để đưa ra những lựa chọn làm hài lòng bản thân hơn là những người khác trong nhóm.” Ngược lại, những nghiên cứu bởi [Richard Nisbett và nhóm](#) nghiên cứu (2001) thừa nhận rằng những người đến từ nền văn hoá châu Á “có xu hướng có động lực để hành động theo những cách thức thúc đẩy sự hợp tác và hoà hảo trong nhóm.”

Những học sinh người Latin trong lớp của tôi

chặt vật với việc hợp tác bởi một vài lí do. Tôi liên tục nhắc nhở bản thân mình rằng các em không phải những thành viên của một nền văn hoá bảo thủ. Một vài học sinh là thế hệ thứ ba của người Mỹ và một số khác là học sinh mới đến từ Mexico, miền Trung và Nam Mỹ. Tôi nhận thấy mình cần thông thạo về văn hoá hơn trong quá trình đào tạo về sự hợp tác và cần loại bỏ đi những yếu tố khiến phiếu đánh giá kém hiệu quả bởi các giả định về văn hóa.

Sự sáng tạo (Creativity)

Tôi cảm thấy khó khăn nhất khi dạy học và đánh giá sự sáng tạo. Hầu hết những phiếu đánh giá mà bạn có thể tìm thấy trên mạng đều thể hiện những sự khó khăn tương tự, bao gồm hệ thống phân loại của kĩ năng thế kỉ 21 này. Đó là lí do tại sao rất nhiều những phiếu đánh giá này đều được đặt tên là “sự sáng tạo và đổi mới” (creativity and innovation) hoặc “giải quyết vấn đề sáng tạo” (creative problem solving).

Dạy học và đánh giá sự sáng tạo là đủ khó khăn, nhưng đúng với chủ đề của chúng ta, chúng ta thực sự cần phải nhận thức được những sự ảnh hưởng của văn hoá đến sự sáng tạo và chúng tác động đến việc học của học sinh như thế nào.

Kết luận yêu thích của tôi về chủ đề này được khám phá một cách sâu sắc bởi nhóm nghiên cứu từ Đại học Guangxi Normal (2019) trong một nghiên cứu tổng kết với tiêu đề “Văn hoá đã định hướng sự sáng tạo như thế nào: Một tổng quan nho nhỏ” ([How Does Culture Shape Creativity: A Mini-Review](#)). Các tác giả trích dẫn công trình [Elisabeth Rudowicz](#) (2003) và [James Kaufman và Lan Lan](#) (2012) khi đưa ra giải thích về sự khác biệt quan trọng giữa sự sáng tạo trong văn hoá của phương Tây và phương Đông: “... sự nhấn mạnh vào những kết quả mới lạ và đột phá phù hợp hơn với phương Tây hoặc chủ nghĩa cá nhân, vốn dựa trên những lý tưởng về cá nhân hoá, tự do và dân chủ. Ngược lại, sự tập trung vào tính

hữu ích phản ánh sự phụ thuộc mạnh mẽ vào văn hoá, và xã hội phương Đông hoặc xã hội chủ nghĩa tập thể, vốn gắn kết mạnh mẽ với lý tưởng phụ thuộc lẫn nhau, hợp tác, tập thể và chủ nghĩa độc tài, đã phát triển những quan điểm biệt lập về ý nghĩa vốn có của sự độc đáo, tính nguyên bản, và /hoặc sự mới mẻ.”

Tư duy phê phán (Critical Thinking)

Như đã chỉ ra trong câu chuyện về vợ tôi và cách mà cô ấy suy nghĩ, tư duy phê phán không tách biệt khỏi sự ảnh hưởng của văn hoá.

ASCD bán một quyển sách nổi tiếng về chủ đề này. Trong “Phát triển trí tuệ: Một tài liệu về dạy học tư duy” ([Developing Minds: A Resource Book for Teaching Thinking](#)), Douglas Brenner và Sandra Parks đưa một chương về ảnh hưởng của văn hoá đến tư duy phê phán. Các đã giả đã chia sẻ: “*Vì những thói quen tư duy của chúng ta bị ảnh hưởng bởi nền văn hoá và bối cảnh ảnh lịch sử, nên khả năng ra quyết định mà chúng ta tìm cách phát triển cho học sinh phản ánh văn hoá của chúng ta. Những cấu trúc này đều không phải là những mô hình phổ quát có thể áp dụng với mọi nhóm dân tộc và văn hoá (Kim & Park, 2000; Paul, 1993).*”

Để nhấn mạnh quan điểm trên, nhóm nghiên cứu đến từ Đại học Sư phạm Hà Nội (2018) đã bình luận rằng “*Tư duy phê phán không thể thiếu bối cảnh. Nó phải tương đồng với xã hội, bối cảnh văn hoá mà trong đó nó bén rễ và thực hiện chức năng của mình.*”

Khi tôi xem xét lại cách thức mà mình đánh giá tư duy phê phán, thường là sử dụng phiếu đánh giá được phát triển bởi các đồng nghiệp ở Viện Nghiên cứu Giáo dục Buck và được thay đổi bởi một nghiên cứu được hoàn thành bởi nhóm nghiên cứu Khoa học về Học tập tại Pearson³, tôi nhận

3 Xem thêm tại đây: <https://www.pearson.com/content/dam/one-dot-com/one-dot-com/global/Files/efficacy-and-research/skills-for-today/Critical-Thinking-Full-Report.pdf>

ra rằng mình đã đánh giá quá thấp ảnh hưởng của văn hoá đến việc học sinh của mình thể hiện tư duy phê phán như thế nào.

Lời kêu gọi hành động

Bước đầu tiên của tiến trình này là kêu gọi sự chú ý để làm rõ những thiên kiến chưa tường minh có thể gây cản trở mục tiêu dạy học của chúng ta là giúp cho mọi người học trở nên thành thạo những kĩ năng thiết yếu như sáng tạo, hợp tác, giao tiếp và tư duy phê phán. Một khi thừa nhận những thiên kiến đó, chúng ta có thể bắt đầu xác định chúng trong những công cụ ta sử dụng để dạy và đánh giá các kĩ năng này. Đáng lưu ý nhất là phiếu đánh giá 4Cs.

Các nhà giáo dục dường như bắt đầu giải quyết những nhiệm vụ trên trong một vài năm tới với sự giúp đỡ của một tập đoàn phi lợi nhuận mới đang hợp tác với các tập đoàn đã tham gia trước đó để tạo ra một nội dung mới xoay quanh 4Cs. Bộ phận mới này sẽ được ra mắt vào cuối năm 2020, mở ra cho tôi một hy vọng về một viễn cảnh mới đối với việc dạy học và đánh giá các kĩ năng thế kỉ 21 được gắn chặt với nhận thức văn hoá và chấp nhận những cách thức thể hiện năng lực khác biệt.

[30+ FRAMEWORKS GIÁO DỤC] - KỲ 14: MÔ HÌNH BỐN NHÁNH CỦA TRÍ TUỆ XÚC CẢM

Việt Anh

Tài nguyên sẵn có:

- Các bài nghiên cứu gần đây của Mayer, Salovey và đồng nghiệp (2008, 2016) giúp phân biệt Mô hình Bốn Nhánh của Trí tuệ Xúc cảm với các khái niệm khác về Trí tuệ Xúc cảm; đồng thời, cung cấp một bộ nguyên tắc để nhìn nhận và đánh giá Trí tuệ Xúc cảm.

Công cụ đo:

- Bài đánh giá MSCEIT (The Mayer-Salovey-Caruso Emotional Intelligence Test) gồm 8 nhiệm vụ dựa trên khả năng (2 nhiệm vụ cho mỗi lĩnh vực của Trí tuệ Xúc cảm) và dựa trên Mô hình Bốn Nhánh của Trí tuệ Xúc cảm.

Tài liệu tham khảo:

- Mayer, J.D., & Salovey, P. (1997). What is emotional intelligence? In P. Salovey & D. Sluyter (Eds.), *Emotional development and emotional intelligence: Educational implications*. New York, NY: Basic Books.
- Mayer, J. D., Salovey, P., & Caruso, D.R. (2008). Emotional Intelligence: New Ability or Eclectic Mix of Traits? *American Psychologist*, 63, 503-517.
- Mayer, J.D., Caruso, D.R., & Salovey, P. (2016). The ability model of emotional intelligence: Principles and updates. *Emotion Review*, 8, 1-11.

#EdLab

#moingay1frameworkGiaoduc #LearnToLearn
#CultivatingEducationalPractices

Phát triển bởi: Giáo sư Tâm lý học John D. Mayer của Đại học New Hampshire và Hiệu trưởng Đại học Yale - Giáo sư Tâm lý học Peter Salovey

Mục đích: Để làm rõ khái niệm Trí tuệ Xúc cảm cho các nhà nghiên cứu và các nhà hoạch định chính sách

Độ tuổi: Từ trẻ sơ sinh tới người trưởng thành.

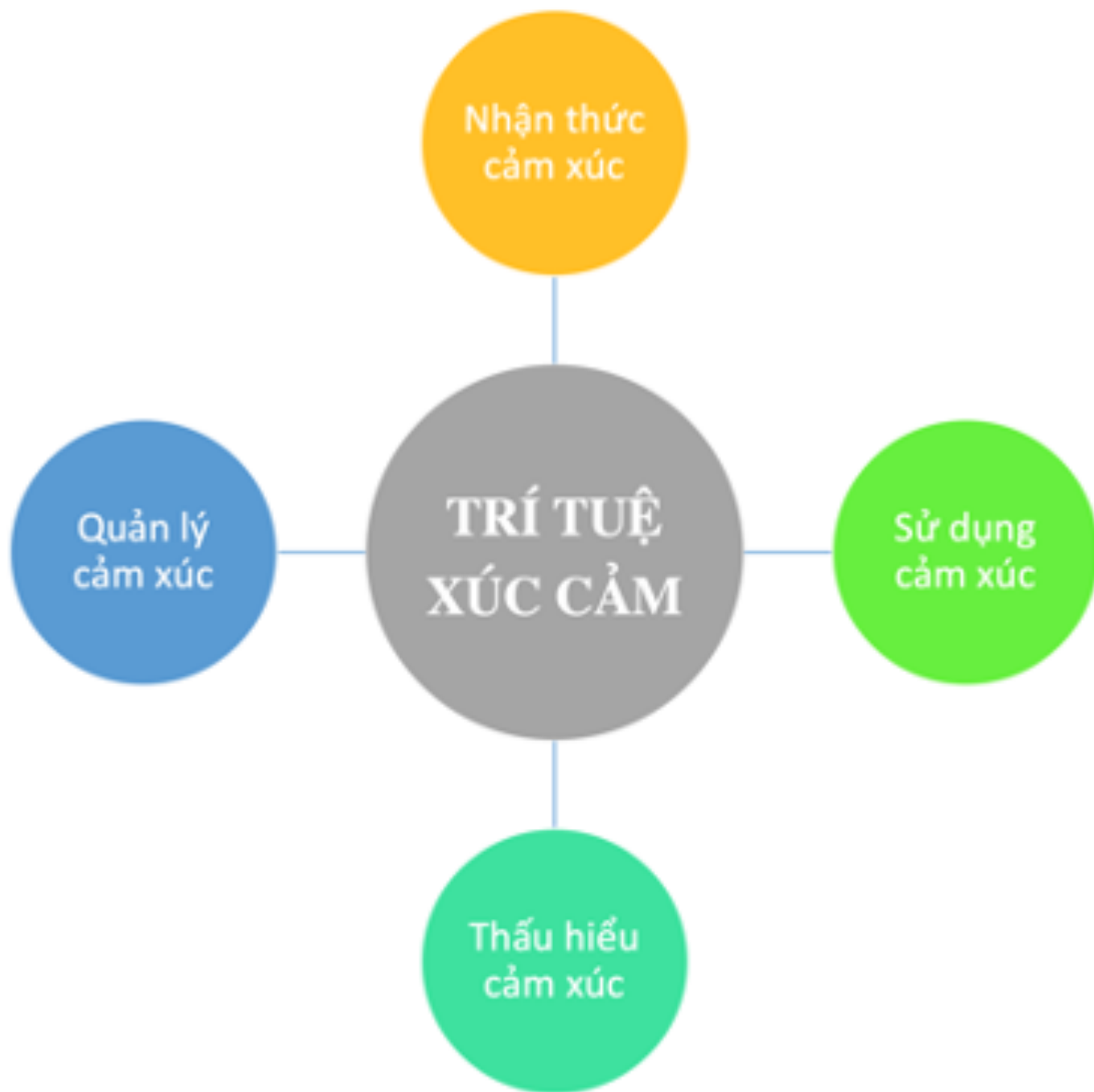
Áp dụng: Mô hình Bốn Nhánh của Trí tuệ Xúc cảm là một mô hình phát triển, tập trung vào cách nhận thức, điều chỉnh và suy nghĩ về xúc cảm của mỗi cá nhân. Mô hình này có thể được áp dụng ở nhiều bối cảnh khác nhau, nhưng chủ yếu, nó được sử dụng như một mô hình nền tảng trong lĩnh vực xúc cảm và cho các mô hình khác về trí tuệ xúc cảm. Mô hình được đề xuất sử dụng kết hợp trong giáo dục nghệ thuật tự do,

Bối cảnh: Lưu ý rằng:

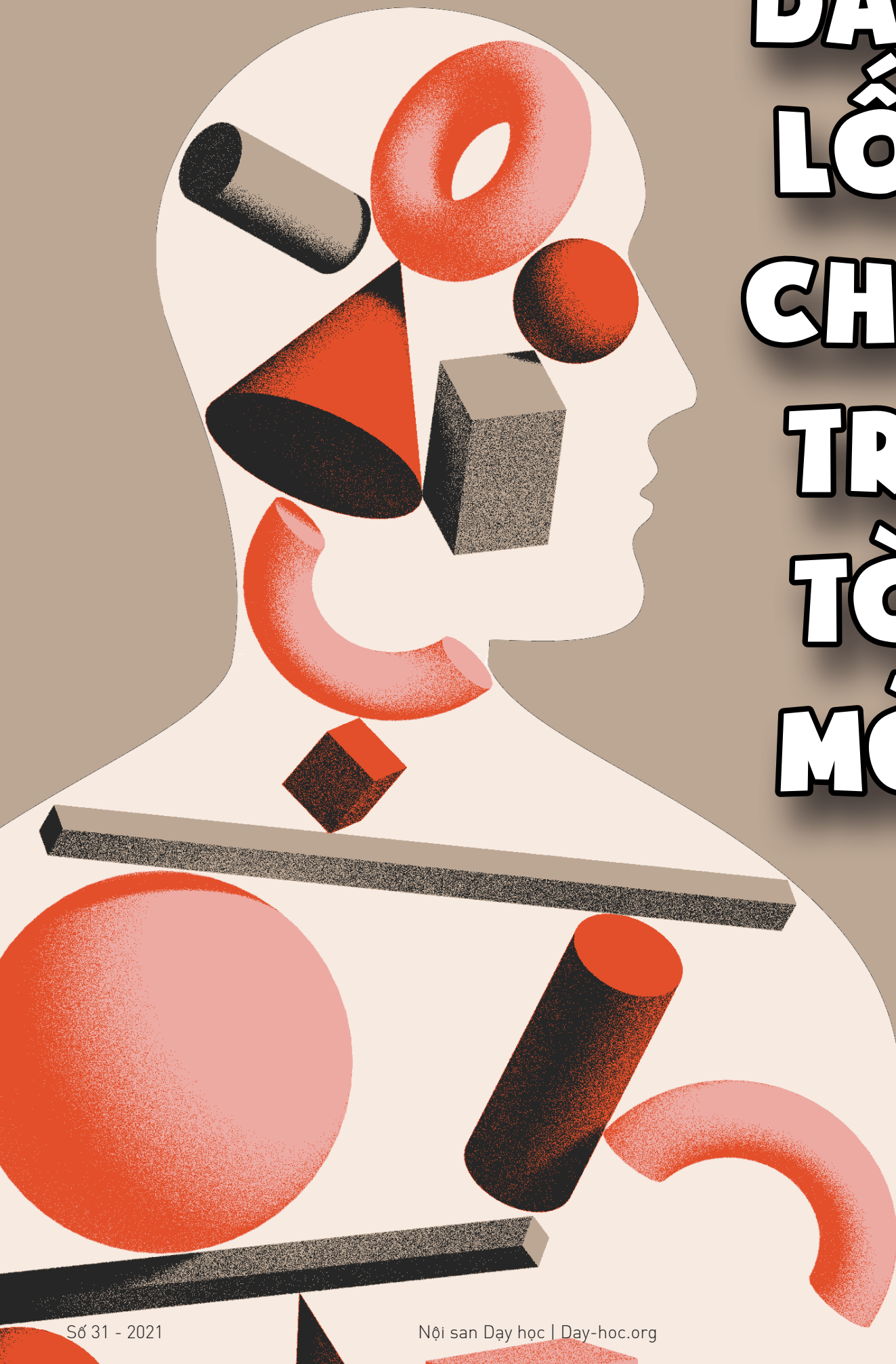
- các yếu tố khác nhau (như văn hóa, tôn giáo, các giá trị, các trải nghiệm,...) có thể có những tác động đến sự hiểu biết và khả năng bộc lộ cảm xúc của mỗi cá nhân.
- nên sử dụng các công cụ đo lường khác nhau cho các nền văn hóa khác nhau.
- trí tuệ xúc cảm cần thiết trong nhiều bối cảnh đa dạng như ở nhà, ở trường học, ở nơi làm việc.

Quan điểm phát triển:

- Các kỹ năng ở mỗi nhánh được liệt kê theo thứ tự từ nền tảng tới những kỹ năng phức tạp hơn.
- Nghiên cứu gắn kết trí tuệ xúc cảm tới thành công trong học thuật và ở nơi làm việc.



DẪN LỐI CHO TRÍ TÒ MÒ



¹Cách các nhà giáo dục và phụ huynh dẫn lối và khích lệ trí tò mò tự nhiên của trẻ trên lớp học và ở nhà.

Emily Boudreau²
Ngọc Lan dịch

Lâu nay các nhà giáo dục đã cho rằng việc học thông qua sự khám phá (đặt ra một vấn đề cụ thể hoặc tạo ra một thí nghiệm) thu hút trẻ tham gia và đặt câu hỏi về thế giới. Nhưng liệu sự thể hiện những hành vi đó có thực sự là dấu hiệu cho thấy trẻ tò mò, và sự tò mò đó có thể được nuôi dưỡng trong lớp học không?

Theo quan điểm của nhà khoa học và nghiên cứu Elizabeth Bonawitz, sự tò mò là bẩm sinh ở tất cả mọi người - cũng giống như cảm giác đói hoặc khát. Cô nói: “Sự tò mò hoạt động như một loại tấm lọc mà khi nhìn cuộc sống qua tấm lọc này, tâm trí của bạn ra quyết định tập trung vào thông tin nào. “Đó là một phản ứng sinh lý nhằm thúc đẩy hành động và ra quyết định để hỗ trợ việc học.”

Để giúp các nhà giáo dục và phụ huynh hiểu rõ hơn về cách thúc đẩy sự tò mò bẩm sinh ở trẻ, Bonawitz đưa ra ba phát hiện từ nghiên cứu gần đây, điều mà có thể làm thay đổi hệ thống nhận thức hiện tại về trí tò mò.

1. Không có bằng chứng khoa học nào cho thấy bạn có thể “nuôi dưỡng” tính tò mò - nhưng bạn có thể tạo ra các tình huống thúc đẩy và hướng dẫn sự tò mò của trẻ.

Bonawitz nói: “Tôi muốn xem xét lại ý tưởng rằng ai đó có thể trở thành một người ‘tò mò hơn’. Thay vì vậy, cô ấy cho rằng sự tò mò như một phản ứng tự nhiên với thông tin. Do đó, trạng thái tò mò cơ bản của một người không hề dễ uốn nắn được. Điều mà các nhà giáo dục và phụ huynh có

thể nuôi dưỡng là những bối cảnh cụ thể nhằm khơi gợi sự tò mò đối với một số loại thông tin.

Bonawitz nói: “Tôi muốn phân biệt giữa bản chất về sự tò mò tức thời, trạng thái tò mò, với thứ được gọi là phẩm chất tồn tại lâu bền ở con người”. Thay vì cố gắng khiến cho trẻ “tò mò hơn”, các nhà giáo dục và phụ huynh nên tập trung vào việc tạo dựng những tình huống gây ra phản ứng tò mò.

● **Làm nổi bật sự mơ hồ.** Trẻ khoảng 4 tuổi có thể phát hiện ra dấu hiệu của sự mâu thuẫn và nhận thức được sự bất hợp lý giữa dự đoán và thực tế xảy ra. Điều khác biệt này tự động khơi dậy sự tò mò.

● **Giúp học sinh nhận ra lỗ hổng trong vốn hiểu biết hiện tại.** Bonawitz và các nhà nghiên cứu khác cho biết rằng khi trẻ cảm thấy lời giải thích hoặc sự hiểu biết của mình không đủ, chúng sẽ tìm kiếm thêm thông tin.

● **Giúp trẻ đưa ra dự đoán và thiết lập giả định trong cuộc sống** thông qua hệ thống câu hỏi được thiết kế phù hợp nhằm hướng sự chú ý của trẻ đến một hiện tượng cụ thể. Bonawitz gọi những loại câu hỏi này là câu hỏi sự phạm. Dưới phương pháp tạo bước đệm này, trẻ có thể nhìn nhận tích cực những niềm tin vốn có, nhận ra những mâu thuẫn và điều hướng sự chú ý sao cho tương xứng.

2. Hầu hết các cách chúng ta đo lường và đánh giá sự tò mò không thực sự đo lường được sự tò mò.

Theo truyền thống, các nhà giáo dục, bậc phụ huynh và thậm chí các nhà nghiên cứu đã tìm kiếm dấu hiệu về sự tò mò trong hành động của trẻ thay vì đo lường trạng thái bên trong. Do đó, Bonawitz cảnh báo rằng chúng ta thực sự không thể biết được điều gì đang xảy ra bên trong tâm trí của một đứa trẻ. “Mặc dù những hành động này có thể thể hiện sự tò mò, nhưng phép đo này không đánh giá đúng những đứa trẻ khác có khả

¹ Tựa gốc: *A Curious Mind*.

² Emily Boudreau

năng tò mò nhưng lại không thể hiện qua hành động.” Có nhiều yếu tố khách quan gây rắc rối đến việc trẻ có hành động theo sự tò mò của chúng hay không.

● **Làm mẫu về sự tò mò.** Cha mẹ và các nhà giáo dục có thể cho trẻ thấy rằng khám phá thế giới là một điều vô cùng giá trị thông qua hành động và những cuộc thám hiểm của chính bản thân.

● **Giúp học sinh cảm thấy như sự tò mò của chúng sẽ được đền đáp.** Trẻ thường sẽ không hành động theo sự tò mò vì có thể chúng cảm thấy không tự tin vào khả năng giải quyết sự tò mò của mình. Tạo ra bước đệm cho những khám phá này có thể xây dựng sự tự tin và độc lập ở trẻ.

● **Giảm thiểu những đánh đổi hoặc rào cản trong việc thể hiện tính tò mò.** Trẻ thường có cảm giác như không có thời gian để chúng đặt câu hỏi hoặc chúng sẽ bị bạn bè đánh giá tiêu cực nếu đặt câu hỏi. Môi trường lớp học hoặc gia đình phải được đảm bảo là không gian an toàn để trẻ đặt câu hỏi.

3. Không phải lúc nào chúng ta cũng muốn trẻ thể hiện tính tò mò.

Nếu một đứa trẻ đang cố gắng giải quyết một vấn đề, có thể chúng đang bỏ lỡ những thông tin mới đầy giá trị. Các kỹ năng liên quan đến việc đưa ra các quyết định này, như khả năng điều khiển cách thức suy nghĩ nhằm thúc đẩy siêu nhận thức, có thể mất nhiều thời gian để phát triển. Bonawitz nói: “Chúng đòi hỏi cấu trúc nền tảng của não bộ trong khi hệ thống này chưa thực sự hoàn thiện ở trẻ trong những năm đầu tiểu học. Vì vậy, khi nghĩ đến cách thúc đẩy sự tò mò, chúng ta nên hòa hợp điều này với việc phát triển các kỹ năng nhằm tạo sự cân bằng và điều tiết quá trình chuyển giao nhiệm vụ.”

● **Giúp trẻ đánh giá sự được mất.** Ngoài việc khích lệ trẻ khám phá, bạn cũng nên cân nhắc khuyến khích trẻ đánh giá những phương án chúng có rồi lựa chọn cách thức tốt nhất để tiến hành việc tìm hiểu. Điều này có thể hữu ích trong việc thiết lập mục tiêu học tập.

● **Tạo dựng vốn hiểu biết.** Trực tiếp hướng dẫn có thể là một cách hiệu quả giúp trẻ nhanh chóng tìm hiểu thực tiễn và khái niệm cơ bản để hỗ trợ phát triển nguồn kiến thức thêm phong phú. Do đó, việc cung cấp thông tin giá trị lúc ban đầu sẽ mang tính thúc đẩy quá trình tự học có định hướng tạo nên tính tò mò sau này.

Bài học rút ra

● Bắt đầu với giả định rằng mọi đứa trẻ đều có tính tò mò.

● Cung cấp một môi trường mà trẻ cảm thấy chúng có thể đặt câu hỏi và có những hỗ trợ cần thiết để hướng dẫn trẻ khám phá.

● Tạo cơ hội cho trẻ phát triển siêu nhận thức thông qua việc xây dựng các kỹ năng cơ bản kèm theo những cơ hội để khám phá và đặt câu hỏi.



GẮN KẾT GIA ĐÌNH VÀ THÀNH CÔNG TRONG HỌC TẬP: NGHIÊN CỨU NÓI GÌ?

Trynia Kaufman, MS
Nguyễn Tiến Đạt *dịch*

Trong số tất cả những yếu tố quyết định đến những kết quả học tập của học sinh, sự gắn kết gia đình đứng đầu danh sách. Sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình có thể cải thiện điểm số, sự chuyên cần, sự bền bỉ và động lực của học sinh. Nghiên cứu chỉ ra rằng điều đó là đúng bất kể với dòng tộc hay thu nhập của gia đình.

Mặc dù một vài gia đình chủ động tham gia vào việc giáo dục con cái của họ, nghiên cứu cho thấy giáo viên có thể đặt tiền đề và khuyến khích sự gắn kết từ mọi gia đình với kết quả tích cực.

Kết nối gia đình của những học sinh có cách học và suy nghĩ khác biệt là đặc biệt quan trọng. Theo luật liên bang, nhà trường phải tìm kiếm thông tin đầu vào từ phụ huynh hoặc người bảo hộ trong quá trình phát triển một Chương trình Giáo dục Cá nhân (Individualized Education Program - IEP) của học sinh. Trường học bắt buộc cung cấp cho gia đình những cập nhật về sự tiến bộ của con họ hướng đến những mục tiêu của IEP.

Ngoài những nhiệm vụ này, nghiên cứu đã chỉ ra rằng những tương tác có ý nghĩa giữa giáo viên và gia đình của những học sinh có phong cách học tập và suy nghĩ khác biệt có thể xây dựng lòng tin, cung cấp chỉ dẫn và cải thiện kết quả của học sinh.

Những người nào mà học sinh của bạn gọi là gia đình?

Trước khi nói về những gia đình, trước hết chúng ta cần xem những những người nào sẽ tạo nên một gia đình của một đứa trẻ. Không có hai gia đình nào là giống nhau: Một vài gia đình có nhiều hơn một người chịu trách nhiệm nuôi dưỡng chính. Một vài thì không. Trong những gia đình có hai người lớn, có thể họ đã kết hôn hoặc không. Những yếu tố khác cũng ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình, ví dụ như gia đình có nhiều thế hệ sống chung với nhau hoặc gia đình sử dụng dịch vụ chăm sóc thay thế tại gia đình.

Trong nguồn dữ liệu của chúng tôi, chúng tôi sử dụng thuật ngữ “caregiver” để ám chỉ những người chăm sóc chính hoặc những người lớn chịu trách nhiệm nuôi dạy trẻ, ví dụ như cha mẹ, ông bà, hoặc cha mẹ nuôi. Khi chúng tôi nói về gia đình, điều đó có nghĩa một hệ thống hỗ trợ rộng lớn xung quanh đứa trẻ, bao gồm anh, chị em ruột, ông bà nội, ngoại, cô, dì, chú, bác hoặc bất kì ai thường xuyên xuất hiện trong cuộc sống của đứa trẻ đó.

Những lợi ích của việc hợp tác với gia đình

Có vô vàn những lợi ích của việc thiết lập mối liên hệ với gia đình của học sinh. Nghiên cứu và trải nghiệm trên lớp học hỗ trợ năm lợi ích dưới đây, đặc biệt với những học sinh có cách học tập và tư duy khác biệt:

Lợi ích thứ nhất: Bạn có thể kết nối bài học của mình với kiến thức nền tảng, sở thích và văn hoá của học sinh.

Chắc hẳn bạn đã từng nhìn thấy chuyện này diễn ra trong lớp học của bạn trước đây: Khi chúng ta kết nối chặt chẽ một bài học với những trải nghiệm của học sinh, sự hứng thú của các em gia tăng một cách mạnh mẽ và các em liên hệ sâu hơn với học liệu.

Có rất nhiều nghiên cứu về não bộ đã giải thích hiện tượng này. Khi học sinh nghĩ về những điều các em đã biết, nơ-ron thần kinh trong não bộ trở nên chủ động. Các nơ-ron này kích thích các nơ-ron khác để kích hoạt và tạo ra đường dẫn truyền thần kinh mới. Những đường dẫn truyền thông thường kết nối thông tin mới với thông tin cũ trong não bộ. Nói cách khác, “những nơ-ron được kích hoạt cùng nhau, kết nối cùng nhau.” Bằng cách liên hệ những kiến thức mới và kiến thức cũ, học sinh cảm thấy dễ dàng hơn để học và ghi nhớ kiến thức mới.

Gia đình là nguồn thông tin quý giá những điều có thể giúp cho những nơ-ron thần kinh của đứa trẻ được kích hoạt. Nghiên cứu chỉ ra rằng một số học sinh có cách học tập và suy nghĩ khác biệt có thể có những lỗ hổng trong kiến thức nền tảng quan trọng, điều đó có thể gây khó khăn cho các em để hiểu những nội dung mới. Trong những cuộc trao đổi với gia đình, bạn có thể hiểu thêm về những điểm mạnh và những gì khơi gợi sự hứng thú của học sinh - và bạn có thể biết về những lỗ hổng trong kiến thức nền tảng của các em.

Lợi ích thứ hai: Bạn có thể xác định những điều chỉnh hoặc sự hỗ trợ phù hợp.

Kết nối với gia đình của học sinh có thể giúp bạn xác định những phương thức tốt nhất để phân hoá hoặc cá nhân hoá việc giảng dạy cho những học sinh có cách học tập hoặc suy nghĩ khác biệt. Gia đình có thể cung cấp thông tin chi tiết về những hỗ trợ có hoặc không có hiệu quả ở nhà hay trong những năm trước ở trường. Các cuộc trao đổi về những hỗ trợ hiệu quả này có thể tạo dựng sự nhất quán giữa gia đình và nhà trường.

Một trong những cách dễ dàng để có được thông tin về những điều mà học sinh cần hỗ trợ là nói chuyện với gia đình về khoảng thời gian học sinh làm bài tập về nhà. Dựa trên phản hồi của họ, bạn có thể quyết định liệu bạn có cần thay đổi

cách giảng dạy đối với học sinh hoặc điều chỉnh bài tập về nhà hay không.

Lợi ích thứ ba: Bạn có thể trao quyền cho gia đình để hỗ trợ mục tiêu học tập tại nhà.

Đa số các gia đình tin rằng học tập tại trường là vô cùng quan trọng và mong muốn con mình thực hiện tốt việc đó. Nhưng họ có thể không biết rằng làm cách nào để hỗ trợ con của họ trong quá trình giáo dục một cách hiệu quả. Trao đổi thường xuyên là một trong cách có thể thu hẹp khoảng cách đó.

Một vài cách trao đổi hiệu quả nhất bạn có thể chia sẻ đó là lời khuyên về việc gia đình có thể củng cố các kỹ năng tại nhà. Kể cả bằng thư điện tử (emails), gọi điện thoại, bản tin hay trang mạng của lớp, chia sẻ với gia đình những kỹ năng toán học mà bạn đã dạy trong tuần này. Sau đó cung cấp một hoặc hai cách mà họ có thể luyện tập những kỹ năng đó tại nhà.

Những học sinh trong chương trình IEPs có những mục tiêu thường niên và có thể cần luyện tập một vài kỹ năng nhất định nhiều hơn so với bạn bè đồng trang lứa thực hiện. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng những học sinh có cách học tập và suy nghĩ khác biệt thường gặp nhiều khó khăn hơn khi hoàn thành bài tập về nhà.

Nói chuyện với gia đình những học sinh đó về cách thức mà họ có thể củng cố những mục tiêu của IEP theo thời gian, nhưng hãy ghi nhớ rằng nhiều gia đình sẽ thấy khoảng thời gian làm bài tập về là vô cùng áp lực. Không rõ liệu gia đình giúp làm bài tập về nhà có lợi hay không, vì nghiên cứu này vẫn chưa kết luận. Những lợi ích không chỉ phụ thuộc vào độ tuổi và trình độ kỹ năng của học sinh, mà còn phụ thuộc vào sự nhiệt tình của gia đình.

Lấy ví dụ, những nghiên cứu đã chỉ ra rằng nếu gia đình có thái độ bức xúc hoặc không chắc chắn

về các giúp con cái, thì sự tham gia của họ trong khoảng thời gian làm bài tập về nhà có thể không hiệu quả, thậm chí là phản tác dụng. Thêm vào đó, một vài thành viên trong gia đình có thể làm việc vào buổi tối hoặc có phương pháp học tập và suy nghĩ khác biệt. Hãy ghi nhớ rằng mỗi gia đình, cũng như mỗi học sinh đều có những điểm mạnh và nhu cầu khác biệt.

Vậy giáo viên có thể làm gì đối với bài tập về nhà?

- Thiết lập một đường dây liên lạc cởi mở để các gia đình có thể hỏi bạn về bất kỳ vấn đề nào đối với bài tập về nhà.
- Cung cấp những gợi ý làm bài tập chung trên bản tin hoặc trang mạng của lớp. Ví dụ, bạn có thể cung cấp thông tin dưới dạng quy trình hướng dẫn từng bước và video chia nhỏ dự án thành các thành phần có thể quản lý được.
- Trao đổi với gia đình về bài tập về nhà để giúp con của họ liên tục hoàn thành bài tập theo đúng tiến độ và thời hạn. Đó là chìa khoá cho những học sinh thuộc kiểu ADHD hoặc có những vấn đề liên quan đến chức năng điều hành, những bạn thông thường mất nhiều thời gian hơn để phát triển các kỹ năng như tổ chức hoặc quản lý thời gian.
- Nhắc nhở gia đình với gia đình rằng kể cả khi không có khả năng giúp đỡ bài tập về nhà, thì họ đã thực hiện nhiệm vụ quan trọng nhất đó là yêu thương và khích lệ con của họ.

Lợi ích thứ tư: Bạn có thể phát triển những phương pháp hiệu quả và nhất quán để xử lý hành vi.

Khi đã nhắc đến hành vi, mối liên hệ vững chắc giữa nhà trường và gia đình là thiết yếu. Dữ liệu dọc đã chỉ ra rằng trường học càng chú trọng nhiều hơn vào những hoạt động cộng tác với gia đình thì những vấn đề liên quan đến kỷ luật càng giảm đi. Những đường dây liên lạc mở sẽ

cho phép bạn biết được những sự việc xảy ra tại nhà có thể tác động đến hành vi của học sinh ở trường. Khi bạn biết được nguyên nhân của hành vi đó, bạn sẽ có thêm cơ hội để tìm được cách thức tốt nhất để giúp đỡ học sinh.

Thêm một điều quan trọng không kém, gia đình có thể chia sẻ những ý kiến về chiến lược hành vi hiệu quả tại nhà để bạn thử tại trường. Sự đồng thuận và nhất quán giữa gia đình và nhà trường có thể giúp học sinh biết được điều gì được kỳ vọng và thực hành các hành vi tích cực hơn.

Lợi ích thứ năm: Bạn có thể đặt ra trạng thái kì vọng cao

Điều này có lẽ là quan trọng nhất để bạn nhấn mạnh trong các cuộc trò chuyện với gia đình. Giúp gia đình đặt ra mức kì vọng cao cho con của họ là đặc biệt quan trọng. Một nghiên cứu diện rộng cho thấy rằng kì vọng của cha mẹ có ảnh hưởng lớn nhất đến học sinh. Nói cách khác, trong số các cách thức gia đình tham gia vào việc giáo dục con trẻ, không có gì quan trọng hơn mức độ tin tưởng vào khả năng thành công của con mình.

Làm nổi bật tầm quan trọng của những kì vọng có thể tác động mạnh mẽ đến gia đình đang phân vân về cách thức giúp đỡ con mình đạt mục tiêu học tập. Trấn an phụ huynh rằng họ có thể đem lại tác động to lớn bằng cách nói chuyện với con của họ về sự quan trọng của trường học hay bằng cách dành cho con những khích lệ.

Nghiên cứu¹ đã chỉ ra rất rõ ràng: Hợp tác với gia đình có thể giúp bạn và học sinh của bạn đi đến thành công. Sử dụng những nguồn tài liệu dưới đây sẽ giúp các bạn tạo dựng một mối liên hệ hiệu quả với gia đình học sinh.

Làm quen với lớp học của bạn

- Làm theo [8 bước](#) dưới đây để tạo dựng mối quan hệ tích cực với gia đình học sinh của bạn
- Gửi [bảng khảo sát](#) về nhà để biết thêm về học sinh của bạn và gia đình của các em.
- Yêu cầu học sinh của bạn điền vào [tấm thẻ 3x3](#) để bạn có thể biết thêm về những điểm mạnh, những điều là thách thức với các em hay những chiến lược học tập hiệu quả của các em.



¹ <https://link.springer.com/article/10.1023/A:1009048817385>



MỘT KHÔNG GIAN ĐỂ HỌC SINH NAM ĐƯỢC THỂ HIỆN SỰ “YẾU ĐUỐI”

¹Katrina Schwartz
Linh Chi lược dịch

Ashanti Branch là một giáo viên toán tại trường trung học phổ thông Sanloredo. Trong quá trình làm việc tại đây, anh nhận thấy một số học sinh có vẻ không theo kịp chương trình học, đặc biệt, phần lớn số này là học sinh nam. Để tìm hiểu gốc rễ vấn đề, Branch tổ chức một buổi trò chuyện riêng với nhóm các học sinh này vào bữa trưa. Anh chuẩn bị sẵn đồ ăn, chỉ yêu cầu chúng đem tới những chia sẻ của bản thân để anh có thể học cách trở thành một giáo viên tốt hơn.

“Và chúng bắt đầu nói về những thứ như ‘Em

không muốn trở thành một kẻ mọt sách, hay mấy đứa trò cưng của giáo viên’”, Branch kể lại. Những thứ liên quan tới “thông minh”, “học tốt” đều có ý nghĩa tiêu cực với chúng. “Và thế là tôi nhận ra rằng, việc tôi cần làm là xây dựng một không gian vừa thông minh, và vừa *ngầu*.”

Và thế là Branch cứ tiếp tục mua đồ ăn trưa cho nhóm học sinh đó, xây dựng một kết nối với chúng, khiến cho chúng cảm thấy bản thân thật đặc biệt. Anh như nhìn thấy được chính bản thân mình trong lũ trẻ ấy. Là con trai trưởng trong gia đình, bố mất sớm, Branch ngay từ nhỏ đã phải gánh nhiều trọng trách. Nhưng anh chưa bao giờ chia sẻ những gánh nặng này. Thay vào đó, anh cứ dồn các cảm xúc tiêu cực lại trong lòng.

Branch sau đó đã thành lập một câu lạc bộ tên

¹ Nguồn: https://www.google.com/url?q=https://www.kqed.org/mindshift/56268/how-learning-emotional-skills-can-help-boys-become-men&sa=D&ust=1611399123017000&usg=AFQjCNG9DBPhDVeJ5xhmTX8J9djJhY_csg

là Ever Forward Club. Nó trở thành một nơi an toàn để học sinh có thể thể hiện những điểm yếu của bản thân, tìm kiếm sự trợ giúp, và trở nên thông minh. Đây là một nơi mà có lẽ Branch ngày nhỏ mong ước có được.

Những gì Branch đang làm cũng là điều mà các nhà giáo dục, giáo viên, các nhà tâm lý học quan tâm trong thời gian gần đây. Các thảo luận về cảm xúc của học sinh ngày càng xuất hiện nhiều trong tài liệu khoa học hay các cuộc đối thoại của các nhà giáo dục. Một kiến thức chung ngày càng trở nên phổ biến đó là: phần lớn con người không giỏi trong việc nhận diện và đối mặt với cảm xúc của bản thân, điều này gây ra các ảnh hưởng tiêu cực tới việc học hay các công việc khác của họ, cũng như tới sự lành mạnh của cá nhân đó nói chung. Vì vậy cả người lớn và trẻ nhỏ đều cần được học để có thể cải thiện trí tuệ cảm xúc của mình.

Nhưng từ những trải nghiệm của mình, Ashanti Branch còn nhận ra rằng học sinh nam, trẻ vị thành niên nam là những cá nhân gặp nhiều khó khăn nhất trong việc thể hiện cảm xúc. Chúng đang phải vật lộn với một nền văn hóa áp đặt những tiêu chuẩn độc hại về việc đàn ông con trai là phải như thế nào.

“Chúng không có ngôn ngữ về cảm xúc”, Branch chia sẻ. Hai cảm xúc phổ biến nhất chúng thường thể hiện đó là tức giận và hài hước - hay cái búa và cái chọc lét, theo cách gọi của Branch. “Đối với phần lớn lũ trẻ ấy, khi cái chọc lét không hoạt động, chúng sẽ lôi cái búa ra. Một số sử dụng cái búa với những việc đáng ra cần một cái tua-vít. Làm thế nào để chúng ta có thể giúp chúng sử dụng nhiều ‘công cụ’ [cảm xúc] hơn?”

Khi anh bắt đầu nhận ra những thử thách đặc biệt này với nhóm học sinh nam, anh bắt đầu đi tìm kiếm thêm tài liệu và các nguồn trợ giúp. Anh tham gia vào những nhóm tham vấn cho nam và

nhận ra đây chính là thứ anh luôn tìm kiếm. Một không gian dành riêng cho nam, một nơi mà anh có thể chia sẻ thoải mái với những người đàn ông khác về những thử thách của việc là đàn ông ở một thế giới như này. Anh nhận ra những sức mạnh đặc biệt mà nam giới có thể có được sau khi được trở nên mềm yếu và trò chuyện về cảm xúc của mình. Mong muốn giúp cho các học sinh nam được thừa nhận và đối thoại về những cảm xúc của mình trong anh ngày càng mạnh mẽ hơn bao giờ hết.

Sau vài năm hoạt động với Ever Forward Club, Branch thành lập một tổ chức phi lợi nhuận chính thức mang tên Ever Forward/Siempre Adelante. Tổ chức này hoạt động ở ba cấp độ: hỗ trợ các câu lạc bộ Ever Forward Club ở các trường học, cung cấp các đào tạo chuyên môn cho giáo viên và quản lý trường học quan tâm tới mảng này, và tạo ra các hoạt động để trường học có thể tham gia vào như #100MaskChallenge (thử thách 100 mặt nạ) - một hoạt động đơn giản giúp người lớn hiểu thêm về đời sống nội tâm của học sinh.

Ever Forward tại Học viện Alameda

Carlos Velazquez là người điều phối câu lạc bộ Ever Forward tại Học viện Alameda. Cũng giống như Ashanti Branch, Velazquez từng được trải nghiệm sức mạnh của các nhóm chia sẻ của nam giới.

Sau khi tham gia vào những nhóm này, anh bắt đầu nhận ra rằng anh đã phải lớn lên với những thông điệp độc hại về tiêu chuẩn của đàn ông: phải đối xử tệ với phụ nữ, không được tìm kiếm giúp đỡ, phải độc lập tự làm mọi thứ. Và điều này ảnh hưởng tiêu cực tới cuộc sống của anh. Sau khi dần dần nhận diện và tháo gỡ những thông điệp mà anh đã nội hóa trong suốt quãng đời, anh bắt đầu mong muốn được truyền tải những trải nghiệm này tới các học sinh của mình.

Nhờ một chương trình tư vấn, mô hình Ever

Forward Club đã được triển khai ở trường của Velazquez. Anh cùng một nhóm 20 học sinh nam gặp nhau 4 lần 1 tuần. Một trong các buổi gặp đó tập trung vào việc chia sẻ cảm xúc, ba buổi còn lại liên quan đến các kỹ năng học tập.

Ban đầu, nó không hề dễ dàng để lũ trẻ chịu chia sẻ. Velazquez nhận ra rằng anh cần phải làm mẫu, thể hiện những khía cạnh tổn thương và sử dụng những ngôn ngữ cảm xúc mà anh mong muốn chúng thể hiện.

Angel, một học sinh lớp 8 tại Học viện Alamdea chia sẻ “Lần đầu tiên em cảm thấy an toàn để chia sẻ trong nhóm là khi một trong số các bạn kể gì đó về cuộc sống gia đình của mình. Một câu chuyện mà bạn ấy không bao giờ có thể chia sẻ ở những nơi khác. Đó là khi em bắt đầu cảm thấy mình có thể tin tưởng nhóm này.”

Angel nói rằng em ấy cảm thấy tốt hơn khi có một nhóm bạn sẵn sàng hỗ trợ như vậy, bởi vì em thấy rất khó để tìm kiếm sự trợ giúp hay trò chuyện về cảm xúc của mình trong cuộc sống hàng ngày. “Mọi người sẽ nghĩ bạn thật kỳ dị hoặc là thật quá đà. Bạn sẽ cảm thấy không an toàn bởi vì luôn có cảm giác như là những người khác sẽ trêu chọc [những cảm xúc] của bạn.”

Tương lai của Ever Forward/Siempre Adelante

Ashanti Branch đã dành ra vài năm để thuyết phục các trường tham gia vào chiến dịch của mình. Nhưng nó là một cuộc chiến không dễ dàng. Các trường chỉ có ngân sách hạn chế, đặc biệt là khi đại dịch corona khiến cho nguồn tài trợ từ chính phủ bị cắt giảm.

Nhưng ngay cả trước khi đại dịch làm đảo lộn các công việc giảng dạy, Branch còn gặp một khó khăn khác khó vượt qua hơn: tư tưởng lạc hậu của các giáo viên và nhà quản lý giáo dục. Nhiều người không tin rằng học sinh nam cần những hỗ trợ riêng biệt. Trong khi dữ liệu của quốc gia cho

thấy rằng hơn 70% số người được chẩn đoán rối nhiễu tâm trí là trẻ vị thành niên nam.

“Mỗi trường đều khác nhau, nhưng ở phần lớn những trường tôi tới, khi nhìn vào số liệu bị đình chỉ, nghỉ học, phải chuyển trường, học sinh nam luôn chiếm số lượng cao nhất. Vậy tại sao chúng ta không đầu tư vào các chương trình hỗ trợ cho trẻ nam?”

Branch hiểu các thử thách khác mà các trường đang phải đối mặt. Thiếu nhân sự, thiếu nguồn vốn, thiếu sự ủng hộ của phụ huynh, thiếu thời gian,... Nhưng anh không thể dừng lại khi nhìn thấy những tiến bộ của các học sinh nam ở khi chúng có một không gian an toàn để tìm kiếm hỗ trợ về học thuật và cảm xúc. Tất cả những đứa trẻ trong câu lạc bộ Ever Forward đầu tiên đều đã tốt nghiệp trung học phổ thông.

“Lũ trẻ đều là những con người có trái tim lớn. Chỉ là chúng được dạy phải giấu kín những điều đó. Và đó là thứ đáng sợ nhất tôi được chứng kiến.”

Ever Forward/Siempre Adelante đang suy nghĩ tới nhiều cách thức khác để tác động tới xã hội/ Branch đang lên kế hoạch hợp tác với các tổ chức cộng đồng khác để vận hành các câu lạc bộ ngoài trường học. Anh chia sẻ rằng mặc dù công việc này bắt đầu với những học sinh nam da màu (vì đó là nhóm ban đầu anh phụ trách khi làm giáo viên), trong quá trình thực hiện, Branch nhận ra rằng học sinh và giáo viên đều cùng mang đủ loại mặt nạ khác nhau. Vì thế anh tin rằng mọi người đều có thể thu được lợi từ hoạt động này.

Chúng ta đều sẽ trở nên tốt hơn khi bắt đầu thừa nhận sự khác biệt giữa những gì ta thể hiện và những gì ta thực sự cảm nhận. Và kiến tạo một không gian nơi ta có thể chia sẻ về nó.

LỚP HỌC TRONG NĂM 2021 SẼ NHƯ THẾ NÀO?

¹Alexandra Topping
Quốc Việt dịch

Đại dịch virus corona đã chuyển hóa các trường đại học, thay đổi định nghĩa của học sinh về các bài giảng và hội nghị

Những cảnh tượng về một giảng đường chật ních người, với các giáo viên đang say sưa giảng bài cho các sinh viên trên lớp vốn là điều quen thuộc trong mọi trường đại học. Nhưng cảnh đó có lẽ sẽ chỉ còn tồn tại trong quá khứ với các sinh viên chuẩn bị nhập học vào tháng 9 năm 2021 này.

Sau tác động từ đại dịch Covid-19, các giảng đường trong tương lai có khả năng sẽ được tổ chức theo hình thức đã được xây dựng trong thời gian giãn cách xã hội - chuyển dần các nội dung, bài giảng sang hình thức trực tuyến.

Thời gian tiếp xúc với giảng viên qua các bài giảng, khóa học và buổi huấn luyện riêng, hay còn gọi là giờ tương tác - vốn là điều khiến sinh viên lo lắng, e ngại trước nay có thể được bỏ qua cho các sinh viên nhập học vào tháng 9 tới.

Allison Littlejohn, giám đốc của phòng nghiên cứu kiến thức tại đại học London, nhận định việc dạy và học trong trường đại học sẽ dần trở nên rất khác biệt trong năm sau, với bài giảng trực tiếp mất đi và các kiểu lớp học kết hợp sẽ ngày càng nhiều hơn. Theo khảo sát nhanh của Times Higher Education, các cơ sở dạy và học cũng mong đợi kiểu chương trình xen lẫn giữa học trực tiếp và trực tuyến này.

Tuy nhiên các tân sinh viên của học kỳ 2021-22 có

thể mong đợi rằng các trải nghiệm học tập sẽ trở nên phong phú hơn trong năm sau. Theo Littlejohn, một khóa học hỗn hợp tốt sẽ bao gồm một cấu trúc rõ ràng, có thể tiếp cận nhiều tài nguyên như video ngắn và - thứ quan trọng nhất - các hoạt động để giúp đỡ sinh viên học về những khái niệm cụ thể và kiểm tra sự hiểu biết.

Khảo sát của Viện Chính sách Giáo dục Đại học (Hepi) cho thấy giờ tương tác của các khóa học khác nhau sẽ có sự đa dạng. Trong đó, Các sinh viên ngành thú y có số giờ tương tác cao nhất, và ngành truyền thông & giao tiếp là ít nhất. Bất chấp những nguy cơ và bệnh dịch, các sinh viên vẫn báo cáo về các lớp học được lên lịch sẵn với quy mô lớp nhỏ hơn.

Tương tác thực rất quan trọng để có thể học tập tốt. Bà Littlejohn cho rằng "Các mối quan hệ của học viên cần có cơ hội để hình thành và phát triển. Chẳng hạn như một buổi cafe sau buổi học có thể cung cấp nhiều thông tin như một bài giảng, bạn không chỉ hiểu thêm về một đề tài mà cũng có thể biết những điều mới lạ về những người bạn đã quen"

Cánh cổng học trực tuyến cũng có các phân tích học thuật để giảng viên theo dõi liệu các học sinh có theo kịp với tiến độ hay không, trong khi mô hình dự đoán đồng thời sẽ đánh dấu những sinh viên đang có nguy cơ bị tụt lại và cảnh báo các giảng viên rằng họ cần hỗ trợ nhiều hơn.

Imogen Dear, sinh viên năm thứ 2 ngành tội phạm học và xã hội học tại Đại học Surrey, được nhà trường thông báo rằng học có thể mong đợi các bài giảng và khóa học từ tám đến chín giờ mỗi tuần, với các video nhỏ, kỹ năng đọc hiểu và các hoạt động. Cô chia sẻ: "Các giảng viên của chúng

¹ Nguồn: <https://www.theguardian.com/education/2020/sep/05/class-of-2021-how-will-you-learn-at-university>

tôi sẽ thấy được liệu chúng tôi có đang xem video, đọc tài liệu và làm các hoạt động hay không, và tôi đoán nếu chúng tôi không chịu tham gia học trực tuyến, chúng tôi sẽ phải có cuộc gặp ‘một đối một’ với người hướng dẫn của mình.” Cô không lo về kiểu học kết hợp, hay việc họ theo dõi công việc của cô, điều này ngược lại khiến cô cảm thấy được tạo động lực.

Theo Helen Higson, giám đốc điều hành và phó hiệu trưởng tại Đại học Aston, sinh viên cố gắng nhiều hơn để tập trung vào chất lượng của sự tương tác hơn là số lượng. Bà chia sẻ: “Nhiều nghiên cứu cho thấy không phải giờ tương tác mà là quy mô lớp học mới là yếu tố tạo nên sự khác biệt.” Vào năm 2015, chính phủ đã gỡ bỏ hạn chế đối với các trường đại học ở Anh, cho phép các trường được chiêu mộ thêm bao nhiêu sinh viên tùy thích. Điều này trong một số trường hợp dẫn đến sĩ số học viên lớn trong một lớp học và “trải nghiệm học tập thụ động hơn”.

Helen cũng bình luận về việc các trường đại học đã nhận nhiều chỉ trích và tiếng xấu bởi vì mọi người vẫn chưa nhìn vào mục tiêu cốt lõi. Theo bà mục tiêu buộc phải hướng đến cải thiện đời sống.

Tuy nhiên, một số chuyên gia đã đưa ra cảnh báo, sinh viên khóa 2020-2021 có khả năng gặp phải tình trạng quá tải khi nhập học bởi nguyên nhân là sự trì hoãn ý định nhập học của các sinh viên năm nay. Tình trạng quá tải đã tồn tại như một vấn đề ở nhiều nơi: khi mà các sinh viên đã bị từ chối vào dự các bài giảng và bị đẩy sang theo dõi các bài học theo hình thức trực tuyến hoặc bị dồn vào những phòng học chật kín người.

Rachel Hewitt, giám đốc về mảng chính sách và vận động tại Hepi, cho rằng lo ngại trên là không có cơ sở. Nhân khẩu học giảm có nghĩa là năm nay có ít người 18 tuổi tranh giành chỉ tiêu hơn. Dự kiến số lượng học viên có thể quay lại mức trước năm 2016 ngay sau khóa 2020-2021. Các học viên năm nay có thể trì hoãn do sự tác động

từ virus corona, tuy nhiên khi không thể đi du lịch và số lượng công việc bán thời gian ngày càng ít thì sẽ không có lý do nào để sinh viên tiếp tục trì hoãn vào năm sau, theo nhận định của bà Rachel.

Rachel cũng khuyên các sinh viên sắp nhập học cần nhìn vào bức tranh rộng hơn, không nên chỉ chú ý tới giờ tương tác và quy mô các lớp học, mà hãy tìm hiểu về những cơ sở hỗ trợ, sự sẵn sàng của người hướng dẫn, thông tin về cách các trường đại học sẽ hỗ trợ sinh viên trong khoản tìm việc thế nào trong tương lai, và dữ liệu trợ giúp tuyển dụng.

Tuy nhiên, cũng có những lợi ích từ đại dịch virus corona trong đầu năm học 2021 tới. Sự thay đổi chóng mặt đã buộc các trường đại học phải sáng tạo, và chạy nước rút để đáp ứng các yêu cầu dịch vụ trực tuyến.

Ở Coventry, các công việc học tập đi song hành với việc thiết kế chương trình để “tạo ra một câu chuyện và mang tới nguồn tiềm lực phong phú” cho các lớp học trực tuyến, gần như biến việc học tập thành vui chơi, lan cho biết: “Nó không chỉ là một chùm các slide powerpoint, hay một ai đó giảng bài trước máy quay trong suốt cả giờ đồng hồ. Một nội dung trực tuyến tốt có thể bao gồm một video giới thiệu dài 2 phút, rồi có thể đi kèm những đường dẫn link tới các nội dung đó, hay là một trò đố vui.”

Eva Terziyski, sinh viên Nga đang học năm thứ 2 ngành Sử học tại trường Đại học Bristol, chia sẻ về lời khuyên quan trọng dành cho các sinh viên mới là đừng quá dựa dẫm vào những gì trường đại học có, mà hãy đảm bảo rằng bản thân đã chuẩn bị sẵn tâm lý để tự tạo động lực cho chính mình. “Chuyện này không giống như trường học, nơi mà bạn sẽ bị quở trách nếu bạn bị lỡ một lớp học. Bạn trả tiền để được ở đó, vì thế nên trách nhiệm của bạn là thành công”.



6 ĐỀ XUẤT CẦN THIẾT CHO MỘT CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN CHUYÊN MÔN GIÁO VIÊN

¹Danielle Mancielli
Thúy Tạ dịch

Phát triển chuyên môn là một trong những phần không thể thiếu của văn hóa trường học và xây dựng đội ngũ giáo viên. Tuy nhiên, một báo cáo về phát triển nghề nghiệp năm 2013 của Trung tâm Hiệp hội Trường học Quốc gia dành cho Khối Giáo dục công (National School Boards Association's Center for Public Education) lại cho thấy rằng đến 90% giáo viên không thấy được lợi ích gì từ các chương trình phát triển chuyên môn. Trong bài viết này, chúng tôi muốn đề cập đến 6 đề xuất giúp xây dựng các chương trình phát triển giáo viên tốt hơn.

1. Gửi đến giáo viên bảng khảo sát mong muốn trước khi thiết kế chương trình.

Trước khi lên một kế hoạch phát triển chuyên môn giáo viên, người lên chương trình cần tiến hành khảo sát và gửi chúng đến giáo viên để xem

xét cũng như cân nhắc mỗi quan tâm hiện tại của họ là gì. Mục đích của các khảo sát chủ yếu là để người xây dựng chương trình hiểu rõ được nhu cầu thực sự của giáo viên khi tham gia vào các hoạt động phát triển chuyên môn. Khi thiết kế khảo sát, người lên chương trình cần thiết kế một vài câu hỏi mở liên quan đến ý tưởng phát triển chương trình phát triển chuyên môn của giáo viên để giáo viên nói ra ý tưởng hay mong muốn của mình về chương trình. Bằng cách gửi đến giáo viên các bảng khảo sát này vừa giúp giáo viên có thêm thông tin về chương trình, vừa giúp người lên chương trình có thêm thông tin để thiết kế dựa trên những mong muốn thực tế từ giáo viên.

2. Đa dạng hóa chương trình phát triển giáo viên.

Tại các trường học hiện nay, đa phần các giáo viên đều bắt buộc phải tham gia một số chương trình phát triển giáo viên cố định. Tuy nhiên, những chương trình này đa phần là cung cấp khối kiến thức chung cho tất cả các giáo viên mà không cung cấp cụ thể những chương trình phù hợp với

1 Nguồn: <https://www.edutopia.org/article/6-things-consider-when-planning-professional-development>

nhu cầu của mỗi giáo viên. Chính vì lý do này, đội ngũ thiết kế các chương trình phát triển chuyên môn giáo viên cần đa dạng hóa chương trình để thúc đẩy sự tham gia tích cực từ giáo viên thay vì cưỡng ép và cưỡi ngựa xem hoa cho có lệ.

3. Giáo viên sẽ tham gia trực tiếp vào thiết kế chương trình phát triển chuyên môn.

Thông thường, tại các chương trình phát triển giáo viên, giáo viên đều đóng vai người học, người tiếp nhận kiến thức mới giống như các học sinh của mình. Tuy nhiên, nếu như chương trình hoặc các hoạt động phát triển chuyên môn giáo viên được xây dựng bởi chính các nhà giáo sẽ là một cơ hội vô cùng tốt để giáo viên có thể chia sẻ kiến thức chuyên môn và phát triển kỹ năng lãnh đạo của họ. Hơn nữa, giáo viên cũng là người trực tiếp giảng dạy trên lớp học nên họ sẽ là những người hiểu rõ nhất đâu là những chủ đề phù hợp cho việc thiết kế chương trình phát triển chuyên môn.

4. Hạnh phúc của giáo viên là ưu tiên hàng đầu.

Bấy lâu nay, dường như, chúng ta luôn bận khoăn, trăn trở nhiều về giáo dục nhưng phần nhiều, chúng ta hầu như không bận tâm đến một điều hiển nhiên: giáo viên cũng là con người và họ cũng có những nỗi lo của con người. Trong mọi nghề, có lẽ không nghề nào phải làm dẫu trăm họ như nghề giáo. Nào là phản hồi từ phụ huynh, giải quyết các vấn đề của học sinh, yêu cầu giải trình từ nhà trường,... không việc nào là không đến tay giáo viên. Đó là chưa kể đến yếu tố gia đình.

Chúng ta muốn thế hệ học sinh của chúng ta được hưởng một nền giáo dục tốt thì chúng ta không thể không chăm sóc những người trực tiếp thổi hồn cho nền giáo dục ấy. Khi mà giáo viên còn không thể giải quyết được chính những vấn đề của họ thì sự chuyên tâm và nhiệt huyết cũng tự động nằm im trong những bài giảng vô hồn. Chính những căng thẳng nội tại này phần nào cũng ảnh hưởng rất nhiều đến sự đón nhận và hứng thú của giáo viên với các chương trình phát triển giáo viên. Khi thiết kế chương trình phát triển chuyên môn, đội ngũ thiết kế nên bắt

dầu chương trình bằng một bài tập giúp giải tỏa căng thẳng, hoạt động viết nhật ký hoặc những hoạt động chia sẻ những trải nghiệm tích cực và tiêu cực mà giáo viên đang gặp phải.

5. Kết hợp linh hoạt các hình thức học tập.

Trong các chương trình hay các hoạt động phát triển chuyên môn giáo viên, đội ngũ phát triển chương trình cần hết sức tôn trọng những kinh nghiệm mà giáo viên chia sẻ. Khi lên kế hoạch để phát triển chuyên môn cho các trường học, đội ngũ thiết kế nên kết hợp một cách linh hoạt thời gian thực hành và đưa ra phản hồi, các giáo viên cùng xây dựng, thảo luận, tìm hiểu, giải quyết vấn đề, mô hình hóa và đảm bảo ai cũng cơ hội tự chiêm nghiệm.

Người thiết kế có thể sử dụng một số hình thức thảo luận hiệu quả như kỹ thuật bể cá, chalk talks, kiểu băng chuyền, cửa hàng ý tưởng (idea shop), nhập vai, practice time hoặc tam giác-tròn-vuông. Khi giáo viên thành thạo các hình thức hữu ích này họ có thể áp dụng với chính học sinh của mình.

6. Kết thúc chương trình không có nghĩa là dừng mọi hoạt động phát triển chuyên môn.

Giáo viên có thể tiếp nhận các chương trình phát triển chuyên môn tốt hơn nếu họ có thể kiểm soát được chúng. Sau khi chương trình phát triển chuyên môn kết thúc, đội ngũ chương trình cần tiếp tục giữ kết nối và khuyến khích họ phát triển chuyên môn của mình thông qua các công cụ dưới dạng postcard, một bài báo, viết blog hoặc quay video về những gì họ đã ứng dụng được sau khóa học. Đây là cơ hội để giáo viên có thời gian để gắn những họ đã học được thông qua chương trình vào chính bối cảnh của mình.

Khi chính người giáo viên học tập, trau dồi một cách liên tục và chân thực, kết quả được hiển thị rõ nét lên chính học sinh của họ. Quan trọng hơn cả, khi giáo viên không ngừng phát triển chuyên môn và phát triển nó một cách vững vàng, tình trạng kiệt sức trong công việc đồng thời cũng được giảm thiểu.



10 NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC ĐÁNG CHÚ Ý NHẤT NĂM 2020

¹Chúng tôi đã bình duyệt hàng trăm nghiên cứu giáo dục trong năm 2020 và sau đó nêu bật 10 nghiên cứu có ý nghĩa nhất, bao trọn các chủ đề từ học tập trực tuyến tới “cuộc chiến dạy đọc” và sự suy giảm của những bài kiểm tra chuẩn hóa.

Youki Terada, Stephen Merrill
Việt Anh dịch

1. Muốn dạy trẻ từ vựng, hãy để trẻ được làm diễn viên

Nếu học sinh của bạn đang học một ngôn ngữ mới, hãy yêu cầu các em dùng hành động để mô tả từ ngữ. Đây đương nhiên là một hoạt động hào hứng khi học sinh được giải phóng người ‘diễn viên’ bên trong mình. Không những vậy, nó còn giúp làm tăng gần như gấp đôi khả năng ghi nhớ các từ của học sinh sau nhiều tháng, theo một nghiên cứu của năm 2020².

Cụ thể, nghiên cứu được tiến hành như sau: các em học sinh 8 tuổi được nghe một số từ ngoại ngữ, sau các em đó sử dụng bàn tay hoặc cơ thể để mô phỏng lại từ đó. Ví dụ, khi các em học từ “flugzeug” nghĩa là “máy bay” trong tiếng Đức, các em sẽ dang hay cánh tay, giả vờ như đang bay. Hai tháng sau, những diễn viên nhỏ tuổi này đã nhớ được nhiều hơn 73% đáng kể so với những học sinh đã được học bằng cách nghe các từ nhưng không đi kèm với các cử chỉ. Các nhà nghiên cứu cũng khám phá ra một kết quả tương tự nhưng ít kịch tính hơn, đó là khi học sinh nhìn vào tranh khi được nghe từ vựng tương ứng.

Đây là một lời nhắc nhẹ nhàng rằng, nếu bạn muốn học sinh nhớ điều gì đó, hãy khích lệ các

em học điều đó theo nhiều cách thức đa dạng, chẳng hạn như: bằng cách vẽ nó ra, mô tả lại nó bằng hành động hay ghép nó với những hình ảnh liên quan.

2. Những nhà khoa học thần kinh một lần nữa bảo vệ giá trị của việc dạy viết chữ bằng tay

Đối với nhiều trẻ, đánh máy thực sự không có tác dụng. Năm 2012, các bản quét cộng hưởng từ chức năng não bộ³ của trẻ em chưa biết đọc cho thấy những mạch đọc quan trọng chậm chờn sống động khi trẻ viết chữ cái bằng tay và sau đó cố gắng đọc chúng. Hiệu ứng này biến mất phần lớn khi trẻ đánh máy hay tô chữ theo đường nét đứt.

Gần đây hơn, vào năm 2020, một nhóm các nhà nghiên cứu⁴ đã nghiên cứu nhóm trẻ lớn hơn (lớp 7), khi các em viết, vẽ bằng tay, đánh máy các từ. Họ kết luận rằng viết và vẽ bằng tay sản sinh những dấu vết thần kinh phát lộ, cho thấy việc học tập sâu hơn.

“Bất cứ khi nào những chuyển động tự sinh được đưa vào chiến lược học tập, thì não bộ nhận được nhiều kích thích hơn.” – Các nhà nghiên cứu giải thích, trước nhắc lại kết quả của nghiên cứu năm 2012: “Có vẻ như những chuyển động liên quan đến gõ bàn phím máy tính không kích hoạt mạng lưới tế bào thần kinh giống như cách mà vẽ hay viết tay tạo ra”.

Điều này không có nghĩa là cần thay thế tất cả học tập dùng bàn phím với viết tay. Mọi đứa trẻ

1 Nguồn: <https://www.edutopia.org/article/10-most-significant-education-studies-2020>

2 Xem thêm: <https://doi.org/10.1007/s10648-020-09527-z>

3 Xem thêm tại: <https://doi.org/10.1016/j.tine.2012.08.001>

4 Xem thêm tại: <https://doi.org/10.3389/fpsyg.2020.01810>

đều cần được phát triển các kỹ năng kỹ thuật số, và đã có những bằng chứng rằng công nghệ giúp trẻ mắc chứng khó đọc vượt qua các trở ngại ghi chép hay khó khăn khi đọc chữ viết tay, và sau cùng, công nghệ giải phóng các em, cho phép các em được “*sử dụng thời gian của mình cho tất cả những điều các em có năng khiếu*” - Trung tâm Yale cho Chứng khó đọc và Sự sáng tạo chia sẻ.

3. Bài kiểm tra ACT vừa nhận một “điểm âm” (Ồi trời!)

Bài kiểm tra ACT thường được coi như là nhân tố chính cho việc ứng tuyển vào đại học. Thế nhưng một nghiên cứu năm 2020 đã chỉ ra mối liên hệ yếu ớt, hay thậm chí là *không có*, giữa kết quả bài thi ACT với mức độ thành công trong học tập của sinh viên đại học. “*Có rất ít bằng chứng cho thấy rằng học sinh/sinh viên sẽ đạt được nhiều thành quả học tập ở đại học hơn khi các em cố gắng cải thiện điểm số ACT của mình.*” - các nhà nghiên cứu giải thích. Những sinh viên có điểm số ACT cao nhưng lại có điểm học tập ở trường trung học thuộc mức trung bình thì thường thất bại thảm hại hay sẽ chìm ngấm dưới lịch trình học thuật khắt khe của trường đại học.

Chỉ vừa mới năm ngoái thôi (2019), bài kiểm tra sát hạch SAT - người anh em họ hàng với ACT - cũng cho thấy những kết quả nghi ngại. Trong một nghiên cứu lớn năm 2019⁵ được dẫn dắt bởi Brian Galla cùng sự tham gia của Angela Duckworth với gần 50.000 sinh viên, các nhà nghiên cứu thấy rằng, điểm số ở trường trung học là những yếu tố dự đoán mạnh mẽ hơn cho bốn năm đại học, chứ không phải là điểm SAT. Lý do là gì vậy? Các nhà khoa học khẳng định rằng, điểm số sau 4 năm học ở trường phổ thông⁶ là một chỉ số vững chắc hơn cho các kỹ năng quan trọng như: sự bền bỉ, kỹ năng quản lý

thời gian hay khả năng loại bỏ sự sao lãng. Hầu hết những kỹ năng này, cuối cùng, là thứ giúp bọn trẻ sống sót ở đại học.

4. Phiếu đánh giá Rubric giảm thiểu những thành kiến phân biệt chủng tộc

Một nghiên cứu mới chỉ ra rằng: Việc làm rõ các tiêu chí trước khi bắt đầu chấm điểm, và việc tham khảo các tiêu chí này một cách thường xuyên trong quá trình đánh giá sẽ là bước đi đơn giản có thể giúp cắt giảm những hiệu ứng độc hại của định kiến phân biệt.

Trong năm 2020, hơn 1.500 giáo viên đã được mời chấm điểm bài viết của một học sinh cấp 2 giả định. Tất cả các câu chuyện này giống hệt nhau, chỉ khác một điều là: Ở nhóm này, bài viết có nhắc tới một thành viên trong gia đình tên là Dashawn, trong khi ở nhóm còn lại, thì nhắc tới một người anh em ruột tên là Connor.

Khoảng hơn 13% các giáo viên dành cho bài có tên Connor điểm đạt, phát lộ ra những lợi thế vô hình mà nhiều học sinh vô tình có được⁷. Tác giả của nghiên cứu giải thích: khi những tiêu chí đánh giá còn mơ hồ thì những định kiến ngấm sẽ được “điền vào chỗ trống”. Nhưng khi giáo viên có được một bộ các tiêu chí rõ ràng để đánh giá bài viết, chẳng hạn như: học sinh đã “thuật lại một cách tỉ mỉ về sự kiện” hay chưa, sự khác biệt khi chấm điểm gần như bị loại bỏ.

5. Nhà máy nhiệt điện than thì liên quan gì tới chuyện đi học? - Sao lại không. Liên quan nhiều lắm.

Khi 3 nhà máy nhiệt điện than ở vùng Chicago đóng cửa, tỉ lệ học sinh vắng mặt giảm xuống 7%. Sự thay đổi này chủ yếu là do những lượt ghé thăm phòng cấp cứu liên quan tới bệnh hen suyễn trở nên ít hơn. Khám phá đầy bất ngờ này được công bố trong một nghiên cứu năm 2020 từ

⁷ Cái tên Dashawn khiến người ta nghĩ tới một người da màu, còn Connor thường là tên của một người da trắng - ND.

⁵ Xem thêm tại: <https://doi.org/10.3102/0002831219843292>

⁶ Ở Mỹ và một số nước, cấp trung học phổ thông [high school] được bắt đầu từ năm lớp 9 đến lớp 12, tương đương 4 năm - ND.

trường Duke và Penn State, nhấn mạnh vào vai trò thường bị bỏ qua của yếu tố thuộc môi trường (như: chất lượng không khí, tội phạm vùng lân cận và ô nhiễm tiếng ồn) trong việc giữ cho con cái chúng ta được khỏe mạnh và sẵn sàng để học tập.

Ở quy mô này, chi phí cơ hội làm chúng ta sửng sốt: khoảng 2,3 triệu trẻ em ở Hoa Kỳ vẫn đang theo học ở trường tiểu học hoặc trung học cơ sở công lập nằm trong bán kính 10km của một nhà máy nhiệt điện than.

Nghiên cứu này được nghiên cứu dựa trên một chủ đề đang phát triển, nó nhắc nhở chúng ta rằng: câu hỏi về sự công bằng trong giáo dục không diễn ra hay kết thúc trong khuôn viên nhà trường. Thứ mà chúng ta gọi là khoảng cách thành tựu thường chính là sự chênh lệch công bằng, một khoảng cách “khởi nguồn từ những năm đầu tiên trong cuộc đời của trẻ”, theo một nghiên cứu năm 2017. Các nhà nghiên cứu khuyến cáo rằng chúng ta sẽ không có cơ hội bình đẳng trong trường học của mình, cho đến khi chúng ta nỗ lực đối mặt với sự bất bình đẳng ở các thành phố, vùng lân cận của chúng ta và cuối cùng là ở ngay trong ngôi nhà của chúng ta.

6. Những học sinh đặt ra nhiều câu hỏi tốt là những người học giỏi hơn

Thực tế, trong số những chiến lược học tập phổ biến có vài chiến lược thuộc nhóm kém hiệu quả, chẳng hạn như: tô sáng các đoạn văn bản, đọc đi đọc lại các chú thích và gạch chân dưới những câu khóa. Một nghiên cứu năm 2020 nhấn mạnh phương thức thay thế hiệu quả: để học sinh tự đặt các câu hỏi về việc học của mình, và dần dần thúc đẩy học sinh đặt thêm những câu hỏi mang tính vấn đề.

Trong nghiên cứu này, những em học sinh tự nảy sinh ra những câu hỏi về chủ đề đã học đạt được điểm trung bình cao hơn 14% so với những học

sinh sử dụng chiến lược học tập bị động như: đọc đi đọc lại các vật liệu học tập, các ghi chú của mình. Các nhà nghiên cứu nhận thấy rằng, việc sáng tạo ra câu hỏi không chỉ khuyến khích học sinh suy nghĩ sâu hơn về chủ đề học tập, mà còn củng cố khả năng ghi nhớ về những gì mà học sinh đã học.

Có rất nhiều phương thức gắn kết để giúp học sinh tạo ra những câu hỏi năng suất: Khi bạn thiết kế một bài kiểm tra, bạn có thể yêu cầu học sinh ghi vào câu hỏi của chính các em, hoặc bạn có thể sử dụng trò chơi *Jeopardy!*⁸ như một diễn đàn câu hỏi do học sinh tạo ra.

7. Có phải nghiên cứu năm 2020 đã kết thúc “cuộc chiến dạy đọc”?

Một trong số những chương trình được sử dụng rộng rãi nhất và khét tiếng nhất đã bị giáng một đòn nặng nề bởi một ban hội thẩm các chuyên gia về đọc rằng nó “sẽ không dẫn tới sự thành công trong việc biết chữ cho tất cả trẻ em trường công ở Mỹ”.

Chương trình đó là “Units of study”, được phát triển trong 4 thập kỷ bởi Lucy Calkins của dự án Teachers College Reading and Writing. Trong nghiên cứu năm 2020, các chuyên gia nhận thấy rằng, chương trình nhận được nhiều tranh cãi này đã thất bại trong việc dạy một cách rõ ràng và có hệ thống cho người đọc nhỏ tuổi việc giải mã và mã hóa các từ ngữ, và do đó, nó đang đi “trái ngược trực tiếp với một lượng lớn các nghiên cứu chính thức”.

Điều này đã gióng lên hồi chuông báo tử cho thực tiễn giảng dạy không nhấn mạnh vào ngữ âm,

⁸ *Jeopardy!* là một chương trình đố vui kiến thức truyền hình tại Mỹ - ND.

⁹ Theo Đánh giá Quốc gia về Tiến bộ Giáo dục của Mỹ năm 2019, chỉ có 35% học sinh lớp 4 đạt được năng lực đọc trên mức thành thạo. Những con số tương tự thế này đã duy trì từ nhiều năm nay, chứng tỏ quốc gia này đã phải vật lộn với việc dạy trẻ em đọc từ lâu. Chương trình của Lucy Calkins nhận được nhiều phản đối của các nhà khoa học não bộ. - ND

để hỗ trợ những trẻ sử dụng nhiều nguồn thông tin (như sự kiện truyện hay hình ảnh minh họa) để dự đoán ý nghĩa của những từ ngữ xa lạ, một cách tiếp cận thường được gắn với “khả năng đọc cân bằng”. Trong một bản sao nội bộ mà nhà xuất bản APM lưu trữ, có ghi rằng “các khía cạnh của “khả năng đọc cân bằng cần” một sự ‘tái cân bằng’.” - Có vẻ như Calkins đã đồng ý với quan điểm của nghiên cứu trên.

8. Bí quyết cho một lớp học trực tuyến hiệu quả

Trong năm 2020, một nhóm tại đại học Bang Georgia đã biên soạn một báo cáo về những thực hành tốt nhất cho học tập trực tuyến. Khi mà các bằng chứng khoa học thuộc lĩnh vực này còn “rải rác” và “chưa thống nhất”, báo cáo đã lưu ý rằng những vấn đề hậu cần như các học liệu được truy cập chứ không phải là những vấn đề cụ thể về nội dung chẳng hạn như tài liệu còn khó hiểu, lại thường là những trở ngại nhiều nhất đối với học tập trực tuyến. Nói cách khác, không phải học sinh không hiểu về quá trình quang hợp trong môi trường ảo, mà là do các em không tìm thấy (hoặc đơn giản là không truy cập được) bài học về quang hợp.

Kết quả này tương tự với một nghiên cứu năm 2019 khi nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tổ chức lớp học trực tuyến thậm chí trở nên có chủ đích hơn so với các lớp học thông thường.

Các giáo viên giảng dạy từ xa nên sử dụng một trung tâm duy nhất dành riêng cho các tài liệu như bài tập, đơn giản hóa cách thức liên lạc và nhắc nhở với học sinh bằng một kênh duy nhất như hộp thư điện tử, hay tin nhắn; và giảm thiểu tình trạng lộn xộn liên quan tới thị giác, chẳng hạn như những phong chữ khó đọc, hoặc những chi tiết trang trí không cần thiết trong không gian ảo.

Bởi các công cụ này đều mới mẻ đối với mọi

người nên những phản hồi thường xuyên về các chủ đề như khả năng truy cập và tính dễ sử dụng là rất cần thiết. Giáo viên cần đăng tải những bảng khảo sát đơn giản, hỏi những câu hỏi như: “Bạn có gặp phải sự cố kỹ thuật nào không? và “Bạn có thể chỉ ra được bài tập của bạn nằm ở đâu không?” để đảm bảo rằng học sinh được trải nghiệm một không gian học tập trực tuyến hoạt động trơn tru.

9. Bạn yêu thích học các ngôn ngữ? Ngạc nhiên chưa, lập trình có thể hợp với bạn đấy.

Một nghiên cứu năm 2020 phát hiện rằng: học cách mã hóa gần giống với việc học một ngôn ngữ như tiếng Trung hay tiếng Tây Ban Nha hơn là học toán - đảo lộn những hiểu biết thông thường về những gì tạo nên một lập trình viên giỏi.

Trong nghiên cứu này, những người lớn trẻ tuổi đã được yêu cầu học Python_một ngôn ngữ lập trình phổ biến. Sau đó họ thực hiện vài bài đánh giá kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng toán học và kỹ năng ngôn ngữ. Các nhà nghiên cứu khám phá ra rằng kỹ năng toán học chỉ chiếm 2% khả năng của một người để học mã hóa, trong khi đó kỹ năng ngôn ngữ thì có thể dự đoán gần như gấp 9 lần, tương ứng 17%.

Các nhà khoa học tuyên bố: đây là một khám phá quan trọng bởi thông thường, tất cả các lớp học lập trình đều yêu cầu học sinh phải vượt qua một chương trình toán học nâng cao_một rào cản không đáng có loại trừ những học sinh với năng lực tiềm tàng chưa được khai phá.

10. Các nhà nghiên cứu làm mọi người ngạc nhiên về những nhiệm vụ đọc hiểu kiểu như “Tìm nội dung chính”

Nghiên cứu của học viện Fordham năm 2020 tuyên bố: “Nội dung là sự nhận thức”, giọng điệu bất chấp như thể đang đòi hỏi một vị trí trong cuộc tranh luận xoay quanh việc dạy kỹ năng đọc nội hàm với việc dạy nội dung kiến thức.

Trong khi các em học sinh tiểu học dành phần lớn thời gian để học những kỹ năng kiểu như “tìm ý chính” hay “tóm tắt” - những nhiệm vụ được sinh ra từ niềm tin rằng đọc hiểu là một năng lực riêng biệt, có thể rèn luyện được, chuyển tải liên mạch giữa các lĩnh vực nội dung - thì những người đọc trẻ tuổi này đang không hề trải nghiệm “những lợi ích được bổ sung từ việc đọc_điều mà các nhà giáo dục có thiện chí hy vọng [học sinh đạt được]”_nghiên cứu kết luận.

Vậy thì điều gì mới đem lại hiệu quả? Các nhà nghiên cứu nhìn vào dữ liệu từ hơn 18.000 học sinh K-5, tập trung vào thời gian dành cho các môn học như Toán học, Nghiên cứu xã hội và ELA, cho thấy “Nghiên cứu xã hội là môn học duy nhất tạo ra những tác động rõ ràng, hiệu quả, có ý nghĩa thống kê đối với cải thiện năng lực đọc”. Trên thực tế, việc để trẻ được tiếp cận với nội dung phong phú về dân sự, lịch sử và luật pháp dường như sẽ dạy đọc hiệu quả hơn so với những phương pháp dạy học đọc hiện hành của chúng ta.

Có lẽ sự thách thức chẳng còn cần thiết nữa: Kết luận của Fordham đang nhanh chóng trở thành sự hiểu biết chung-và chúng đã vượt ra ngoài giới hạn của tuyên bố về việc đọc văn bản nghiên cứu xã hội. Theo Natalie Wexler, tác giả của cuốn sách được đón nhận đông đảo năm 2019 mang tên “Khoảng trống tri thức” [*The Knowledge Gap*], thì nội dung kiến thức và sự đọc hiểu có đan xen với nhau. Mới đây, cô ấy chia sẻ rằng: “Những học sinh với nhiều hiểu biết [nền tảng] sẽ có nhiều cơ hội hiểu được bất kể văn bản nào mà em ấy gặp phải. Các em có thể khôi phục lại được nhiều thông tin liên quan đến chủ đề ấy từ trí nhớ dài hạn của mình, để dành nhiều khoảng trống hơn cho bộ nhớ hoạt động cho sự nhận thức”.

XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC Ở VIỆT NAM: TỪ SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG SANG TƯ NHÂN HÓA

¹Đặng Thị Kim Phụng
Phương Thục *tóm lược*

Mặc dù xã hội hóa đã là tư tưởng trung tâm của quá trình Đổi mới, nhưng vẫn còn nhiều tranh cãi về ý nghĩa và tác động của nó.

Cải cách giáo dục trên toàn thế giới dù là ở các nước phát triển hay đang phát triển đều hướng đến nội dung của các chương trình giáo dục và/hoặc thay đổi hệ thống giáo dục. Việc này diễn ra theo những con đường khác nhau và trong những bối cảnh kinh tế xã hội khác nhau đối với mỗi quốc gia theo đuổi cải cách giáo dục và Việt Nam là một ví dụ điển hình.

Công cuộc đổi mới kinh tế xã hội của nước ta, được gọi là Đổi mới từ cuối những năm 1980, đã đưa ra diễn ngôn về xã hội hóa. Cốt lõi của nó là ủng hộ sự tham gia nhiều hơn của cộng đồng vào mọi lĩnh vực của xã hội. Chủ trương này đã chuyển nền giáo dục Việt Nam từ cơ chế nhà nước độc quyền sang đồng tạo dựng và đồng chi trả giữa nhà nước và nhân dân.

Từ cuối những năm 1990, xã hội hóa hệ thống giáo dục của Việt Nam tập trung vào việc đa dạng hóa trường học/các cơ sở giáo dục và áp dụng học phí ở cả khu vực công và tư. Các chủ thể tư nhân (cá nhân, hộ gia đình, tổ chức) được phép mở và điều hành các trường ngoài công lập (bán công, dân lập, tư thục).

Việc thúc đẩy sự tham gia của toàn xã hội này được kỳ vọng sẽ mở rộng cơ hội học tập cho những người sử dụng giáo dục. Trong đó, những người thụ hưởng giáo dục phải đóng góp vào chi phí dạy và học. Điều này được coi là công bằng xã hội trong giáo dục.

1 Tài liệu tham khảo: <https://www.tandfonline.com/doi/abs/10.1080/00131857.2020.1752191?journal-Code=rept20>

Trong bối cảnh đó, nghiên cứu được thực hiện nhằm đóng góp vào các cuộc tranh luận về cải cách bằng cách xem xét các diễn ngôn về xã hội hóa ở Việt Nam thông qua phân tích các văn bản của chính phủ và dư luận trên các phương tiện truyền thông khác nhau.

Các tài liệu thứ cấp trên về xã hội hóa giáo dục ở Việt Nam đã nêu bật được thể chế hóa chính sách xã hội hóa giáo dục trong một chuyển động rõ ràng từ thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng sang hình thức tư nhân hóa. Việc thể chế hóa xã hội hóa giáo dục có một số tác động đến nền giáo dục của đất nước. Trong khi việc đa dạng hóa các trường học giúp cải thiện đáng kể hệ thống cung cấp giáo dục thì các chính sách học phí lại làm gia tăng chi phí học tập.

Nhìn chung, có một sự thay đổi trong quản trị giáo dục của Việt Nam. Với chủ trương “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, diễn ngôn về xã hội hóa trong công cuộc Đổi mới của Việt Nam tạo cơ sở cho quá trình tư nhân hóa trong lĩnh vực giáo dục của đất nước.

Việc tư nhân hóa giáo dục hiện nay có thể không phải là ý định của chính phủ trong những năm 1980 và 1990, nhưng chính nhờ sự ủng hộ của nhà nước với xã hội hóa giáo dục mà việc cổ phần hóa các trường công lập và sự phát triển của các trường tư nhân thu lợi nhuận có thể nhận được nhiều sự đón nhận của nhân dân hơn.

Bất chấp quyền lực và quyền kiểm soát của chính quyền trung ương đối với các tác nhân và nội dung giáo dục, các trường tư thục vẫn có tiếng nói trong việc xây dựng và vận hành các trường học mới cũng như cung cấp các dịch vụ giáo dục.

Mặc dù công cuộc xã hội hóa giáo dục nhấn mạnh đến luận điệu về sự tham gia nhiều hơn của công chúng vào giáo dục, nhưng việc thể chế hóa xã hội hóa giáo dục trong hơn 30 năm qua đã bị giảm xuống mức hạn chế chỉ còn tập trung vào phát triển trường tư thục và áp dụng học phí ở cả trường công lập và ngoài công lập.

Việc loại bỏ xã hội hóa giáo dục từ sự tham gia của cộng đồng sang hình thức tư nhân hóa đã tạo ra sự đánh đổi giữa các lý lẽ về cơ hội học tập và công bằng xã hội. Kể từ khi các hoạt động giáo dục trở thành một dịch vụ sinh lời dưới danh nghĩa xã hội hóa, học sinh từ các gia đình khá giả có nhiều khả năng hưởng lợi từ các cơ hội học tập và có khả năng lựa chọn bất kỳ dịch vụ nào họ muốn. Việc học sinh thuộc các gia đình nghèo và thu nhập thấp không thể tiếp cận các lợi ích của việc đa dạng hóa trường học là không phù hợp với mục tiêu bình đẳng cơ hội học tập cho mọi công dân như được mô tả trong Luật Giáo dục năm 2005, 2012 và Luật Giáo dục sửa đổi năm 2018.

Xã hội hóa giáo dục đến nay vẫn chưa thể hiện được ý nghĩa thống nhất rộng rãi của công bằng xã hội về quyền được tiếp cận giáo dục cho tất cả mọi người.

Các đánh giá về chính sách xã hội hóa giáo dục trong nghiên cứu này cho thấy vẫn còn cơ hội để hỗ trợ cho sự thống nhất về trách nhiệm và đóng góp hướng tới một khu vực giáo dục có sự tham gia, đồng tạo dựng và đồng tài trợ. Tuy nhiên, các hệ thống thực thi hiện tại đã bị trật bánh phần nào bởi khuynh hướng thị trường không đồng đều. Mục đích của Luật Giáo dục đã không được chuyển giao thành công hoặc không được công luận ủng hộ, khẩu hiệu không được thực hiện theo dự định. Các công việc theo đúng hàm ý của xã hội hóa và theo yêu cầu của cộng đồng cần phải được triển khai. Điều này đòi hỏi ở các nhà hoạch định chính sách một sự tin tưởng và lắng nghe nhu cầu công chúng về một nền giáo dục tốt hơn trong mọi lĩnh vực và dành cho mọi người dân.

NHỮNG CHIẾN LƯỢC TỐT NHẤT TRƯỜNG HỌC CÓ THỂ SỬ DỤNG ĐỂ CHỐNG LẠI NẠN BẮT NẠT HỌC ĐƯỜNG

¹Diana Divecha
Linh Chi *lược dịch*

Bắt nạt xuất hiện ở mọi nơi, thậm chí là ở cả những trường có chất lượng tốt nhất, và nó gây hại tới tất cả những người liên quan, bao gồm cả đối tượng bị bắt nạt lẫn học sinh thực hiện hành vi bắt nạt.

Đã có nhiều tiếp cận hướng tới việc phòng chống nạn bắt nạt, và không phải tiếp cận nào cũng hiệu quả. Phần lớn các chương trình phòng chống bắt nạt tập trung vào nâng cao nhận thức về vấn đề và quản lý hậu quả. Nhưng phần lớn

những chương trình tập trung vào hình phạt đều không cho thấy sự hiệu quả. Những chương trình đặt trách nhiệm giải quyết mâu thuẫn vào học sinh lại cho thấy sự gia tăng của bắt nạt. Các can thiệp theo tiếp cận ‘người ngoài cuộc’ (bystander), kể cả ở người lớn, cũng chỉ hiệu quả với một số nhóm người nhất định, những người hướng ngoại, có địa vị xã hội cao và có tiêu chuẩn đạo đức cao. Nhiều tiếp cận chưa hề được kiểm chứng bởi nghiên cứu, thay vào đó, phần lớn các nhà giáo dục lựa chọn những chương trình dựa trên những gì đồng nghiệp của họ từng sử dụng.

Bài viết dưới đây trình bày hai tiếp cận đã được kiểm chứng bởi nghiên cứu và cho thấy hiệu quả giảm bắt nạt cao nhất. Đó là xây dựng một không

¹ Nguồn: https://greatergood.berkeley.edu/article/item/what_are_the_best_ways_to_prevent_bullying_in_schools

khí trường học tích cực và giảng dạy kỹ năng cảm xúc - xã hội.

Xây dựng một bầu không khí trường học (school climate) tích cực

Bầu không khí trường học là một thuật ngữ khó định nghĩa, nhưng có thể đo lường. Nó có thể tạm hiểu là một “cảm giác cảm nhận được” của cá nhân khi ở trong trường học, cảm giác này có thể đến từ quá trình tương tác, hay cách thức một vấn đề được giải quyết; nó là “trái tim và tâm hồn” của một ngôi trường, “phẩm chất và đặc điểm” của ngôi trường đó. Một ngôi trường có một bầu không khí tích cực có thể nuôi dưỡng những phát triển lành mạnh, trong khi một bầu không khí tiêu cực có thể dẫn tới tỉ lệ bắt nạt học đường cao, cảm nhận không an toàn ở học sinh và những hành vi gây hấn.

Khả năng lãnh đạo là chìa khóa để xây dựng một bầu không khí trường học tích cực. Hậu quả của bắt nạt có được nhìn nhận đúng đắn? Người đứng đầu trường học có hiểu được rằng những bắt nạt liên tục, nghiêm trọng có thể gây ra những hậu quả suốt đời ở cả học sinh bị bắt nạt, học sinh bị bắt nạt và người chứng kiến? Họ có cam kết hướng tới thúc đẩy sức khỏe tinh thần lành mạnh ở học sinh, hay chỉ đơn giản là trừng phạt cho xong các hành vi sai lệch? Họ có thể phân biệt giữa những hành vi bình thường trong một quá trình phát triển tâm sinh lý với những hành vi bắt nạt cần các can thiệp nghiêm túc? Họ có phải là người coi trọng giá trị cảm xúc của học sinh?

Tiếp đến, các giáo viên đã được chuẩn bị để xử lý tình huống bắt nạt hay chưa? Học sinh liên tục báo cáo rằng giáo viên thường bỏ lỡ phần lớn các tình huống bắt nạt và thường không giúp đỡ được học sinh khi chúng tìm kiếm sự trợ giúp. Phần lớn giáo viên nói rằng họ cảm thấy chưa được chuẩn bị để xử lý bắt nạt học đường. Đôi khi, chính giáo viên cũng bắt nạt học sinh, hoặc thể hiện sự thiếu thấu cảm với học sinh bị bắt

nạt. Các giáo viên khác thì nói rằng họ cảm thấy không được học các kỹ năng quản lý lớp học, và đôi khi tự động sử dụng những chiến lược hình phạt mà họ đã nội hóa từ chính gia đình của mình.

Tuy nhiên, cải tiến bầu không khí trường học là một tiến trình cần bao gồm mọi bên liên quan - học sinh, cha mẹ học sinh, cũng như ban quản lý trường học và giáo viên - để có thể nhận diện vấn đề cốt lõi và xử lý phù hợp với văn hóa địa phương. Các đánh giá bầu không khí trường học cần được tiến hành định kỳ để theo dõi các kết quả của việc cải thiện.

Nâng cao giảng dạy về cảm xúc - xã hội

Kỹ năng cảm xúc - xã hội (SEL) ngày càng trở nên phổ biến hơn. Giảng dạy SEL bao gồm giảng dạy về các kỹ năng như tự nhận thức, tự quản lý bản thân, nhận thức xã hội, ra quyết định có trách nhiệm và quản lý các mối quan hệ.

Các tiếp cận SEL dựa trên bằng chứng cũng cho thấy các kết quả tích cực, bền vững. Hàng trăm những phân tích hệ thống và những nghiên cứu đơn lẻ đều cho thấy các học sinh phổ thông khi được học SEL sẽ có những cải thiện về sức khỏe tinh thần, khả năng tự điều chỉnh, có mối quan hệ trong lớp học tốt hơn, có nhiều hành vi mang tính giúp đỡ hơn. Nó cũng giúp giảm thiểu hàng loạt những vấn đề như lo âu, căng thẳng cảm xúc, trầm cảm; giảm các hành vi gây rối như bắt nạt, gây hấn, xung đột; và cải thiện kết quả học tập, tăng cường sáng tạo và khả năng lãnh đạo.

Một nghiên cứu trên 36 giáo viên lớp Một nhận thấy rằng khi giáo viên luôn sẵn sàng hỗ trợ học sinh về mặt cảm xúc, học sinh sẽ ít gây hấn hơn và có khả năng tự kiểm soát hành vi tốt hơn, trong khi can thiệp quản lý hành vi thì lại không cho thấy sự cải thiện khả năng đó. Một phân tích hệ thống cũng chỉ ra rằng việc có một năng lực quản lý cảm xúc tốt sẽ giúp cá nhân ít có khả năng trở thành nạn nhân bị bắt nạt hơn; có khả

năng tương tác xã hội tích cực cũng mang lại kết quả tương tự. Các nghiên cứu theo chiều dọc (nghiên cứu được tiến hành trong khoảng thời gian dài) cũng cho thấy những tác động tích cực của SEL ở người trưởng thành khi được đào tạo tốt các kỹ năng này ngày nhỏ.

Giáo viên cũng thu được lợi ích từ SEL. Những giáo viên có kỹ năng cảm xúc, xã hội tốt hơn thường có sự hài lòng với công việc cao hơn và ít bị kiệt sức hơn, thể hiện nhiều cảm xúc tiêu cực hơn tới học sinh, có khả năng quản lý lớp học tốt hơn, và sử dụng nhiều chiến lược thúc đẩy tính sáng tạo và tự chủ ở học sinh hơn. Nhưng vẫn còn ít các chương trình đào tạo giáo viên tập trung vào việc thúc đẩy các kỹ năng đó ở nhóm đối tượng này.

Bắt nạt ở các giai đoạn tuổi khác nhau

Các tiếp cận SEL cần phải chú ý đến các đặc điểm riêng biệt ở các độ tuổi. Chẳng hạn, trẻ mầm non có tỉ lệ bị đui học do bắt nạt cao nhất, trong khi cơ chế thần kinh học cho khả năng tự kiểm soát ở nhóm trẻ này thực ra chỉ đang phát triển.

Đôi khi, người lớn bị nhầm lẫn giữa những quá trình phát triển bình thường với bắt nạt. Ví dụ, trẻ em thường bắt đầu việc sắp xếp lại các mối quan hệ bạn bè vào khoảng giữa thời tiểu học, quá trình này hiển nhiên dễ gây ra những cảm xúc tổn thương và những mâu thuẫn liên cá nhân. Nó không nên bị hiểu lầm là bắt nạt. Bắt nạt là một quá trình bao gồm những gây hấn cố ý và liên tục trong một tình trạng mất cân bằng về quyền lực. Các phát triển bình thường cũng thường có những thử nghiệm với quyền lực, và những thử nghiệm này cần được hướng dẫn đúng cách và an toàn để hướng tới sự phát triển một cảm giác tự chủ lành mạnh, thay vì bị chỉ trích như một hành động gây hại cố ý tới người khác.

Dậy thì là thời điểm cá nhân nhạy cảm nhất với các mối quan hệ xã hội, vì thế cũng là thời điểm

quan trọng để nuôi dạy những kỹ năng quản lý cảm xúc và mối quan hệ. Đây cũng là khoảng thời gian bắt nạt diễn ra nhiều nhất. Những chiến lược có thể có hiệu quả với nhóm trẻ nhỏ hơn có thể sẽ thất bại khi ứng dụng với nhóm vị thành niên. Nhóm này cần những tiếp cận ít giáo huấn hơn, và cần thiên về nhu cầu tự chủ của chúng, trong khi phải công nhận những giá trị và mong muốn tìm kiếm ý nghĩa của chúng. Xét về mặt sinh lý học, những thay đổi trong não bộ của thời kỳ dậy thì giúp mang đến một cơ hội thứ hai để hiệu chỉnh lại hệ thống quản lý căng thẳng của chúng. Cơ hội này cần phải được tận dụng.

Các tiếp cận cũng cần phải coi xét đến những khác biệt cá nhân giữa từng trẻ. Phụ thuộc vào chỉ một, hai các chiến lược điều chỉnh cảm xúc có thể sẽ chưa đủ để đáp ứng mọi nhu cầu. Tiếp cận SEL tốt nhất sẽ giúp hướng học sinh tới việc khám phá được các chiến lược phù hợp nhất với bản thân chúng. Để làm được điều này, giáo viên hướng dẫn cần xây dựng tính linh hoạt ở chính bản thân mình.

Và cuối cùng, tiếp cận SEL có hiệu quả nhất khi chúng không bị tách rời khỏi môi trường sư phạm. Các kỹ năng SEL được giảng dạy cần phải được bao hàm ở trong cả chương trình học trong cả ngày, ở mọi bối cảnh trường học, và được triển khai bởi mọi người lớn trong trường học. Nói cách khác, nó cần được xâm nhập vào cả hệ sinh thái. Chỉ những tiếp cận thực sự được dạy và được sử dụng một cách chủ tâm mới có thể thành công.

Trường học không thể làm việc này một mình

Gia đình học sinh cũng là một phần quan trọng trong nỗ lực chống lại bạo lực học đường. Bạo lực học đường đôi khi đến từ những thực hành nuôi dạy khắc nghiệt, hoặc từ những mâu thuẫn căng thẳng giữa anh chị em trong gia đình.

Ngay cả nơi làm việc của cha mẹ cũng đóng vai trò thiết yếu. Người lớn cũng trải nghiệm bạo lực

ở nơi làm việc ở một tỉ lệ cao tương đương với trẻ em ở trường học, tệ nạn này còn có thể được nhận thấy ở cả nhóm giáo viên và những người lớn tuổi trong cộng đồng. Nói cách khác, bạo lực không chỉ là một vấn đề con trẻ; nó là một vấn đề dai dẳng của con người.

Nhìn chung, chúng ta cần một sự chuyển đổi trong tư tưởng về tầm quan trọng của trẻ em và cảm xúc của chúng. Trẻ em sẽ phát triển tốt hơn khi chúng được nuôi dưỡng tính nhân văn, được trao cho những công cụ ngôn ngữ và những chiến lược giúp chúng nhận diện, bộc lộ và từ đó điều chỉnh các cảm xúc của mình. Khi cha mẹ, giáo viên và những người quản lý trường học có những nhận thức mới về các nguyên nhân phức tạp của bắt nạt và triển khai các chiến lược mới để đối chất chúng, trường học có thể cải tiến rất nhiều. Lũ trẻ cần sự trợ giúp của tất cả chúng ta.

Ban Biên tập Lộn xộn

Hoàng Anh Đức

Dương Phú Việt Anh

Nguyễn Linh Chi

Nguyễn Tiến Đạt | Công ty CP PTGD POMATH

Phùng Thị Ngọc Lan | Hogwarts

Đoàn Phương Thực | EdLab Asia

Hàn Quốc Việt | Đại học FPT

Tạ Ngọc Thúy | EdLab Asia

Nguyễn Linh Chi | EdLab Asia

Logo | Hà Dũng Hiệp

Chế bản | Quách Anh

Liên hệ: bientap@day-hoc.org



CONSORTIUM for
NEW EDUCATION

Đã & học

“Học để Dạy, và Dạy để Học”